

NGÂN HÀNG TMCP
KIÊN LONG

Số: 1527 /NHKL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Rạch Giá, ngày 29 tháng 8 năm 2023

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán

Công ty: Ngân hàng TMCP Kiên Long

Mã chứng khoán: KLB

Trụ sở chính: Số 40-42-44 đường Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, Tp. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Điện thoại: 0297 3869 950 Fax: 0297 3877 538

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Trần Ngọc Minh Chức vụ: Tổng giám đốc

Điện thoại: 0297 3869 950 Fax: 0297 3877 538

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ
(công ty đánh dấu X vào mục cần công bố)

Nội dung thông tin công bố:

1. Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 Ngân hàng TMCP Kiên Long (Đính kèm Báo cáo).
2. Công văn số 1525 /NHKL ngày 29 /8/2023 về việc giải trình biến động lợi nhuận sau thuế riêng lẻ lũy kế 6 tháng năm 2023 sau kiểm toán (Đính kèm Công văn).
3. Công văn số 1526 /NHKL ngày 29 /8/2023 về việc giải trình biến động lợi nhuận sau thuế hợp nhất lũy kế 6 tháng năm 2023 sau kiểm toán (Đính kèm Công văn).

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng TMCP Kiên Long vào ngày 29 /8/2023 tại đường dẫn <https://kienlongbank.com/bao-cao-tai-chinh>

Chúng tôi xin cam kết thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu P. HCQT.

NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN
TỔNG GIÁM ĐỐC *gh*



gh

Trần Ngọc Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

MỤC LỤC

| | Trang |
|---|----------------|
| 1. Mục lục | 1 |
| 2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc | 2 - 3 |
| 3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ | 4 |
| 4. Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 | 5 - 7 |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động riêng giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 | 8 |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 | 9 - 10 |
| 7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 | 11 - 52 |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Kiên Long (sau đây gọi tắt là “Ngân hàng”) trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Khái quát về Ngân hàng

Ngân hàng TMCP Kiên Long được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng số 0056/NH-GP ngày 18 tháng 9 năm 1995 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp và Giấy phép thành lập ngân hàng số 1115/GP-UB ngày 02 tháng 10 năm 1995 do Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang cấp.

Ngân hàng đăng ký hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1700197787 đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 10 năm 1995 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp. Trong quá trình hoạt động, Ngân hàng đã nhiều lần được điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trong đó lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 21 tháng 12 năm 2022.

Thời hạn hoạt động của Ngân hàng là 50 năm kể từ ngày 18 tháng 9 năm 1995.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
- Điện thoại : +84 (029) 7386 9950
- Fax : +84 (029) 7387 7538

Các hoạt động chính của Ngân hàng bao gồm: huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cấp tín dụng ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các nghiệp vụ thanh toán ngân quỹ và các dịch vụ ngân hàng khác được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho phép; thực hiện góp vốn, mua cổ phần, đầu tư trái phiếu và kinh doanh ngoại tệ theo quy định của pháp luật; dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Ngân hàng trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm/tái bổ nhiệm |
|----------------------------|--------------------|---------------------------------------|
| Bà Trần Thị Thu Hằng | Chủ tịch | Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023 |
| Ông Mai Hữu Tín | Phó Chủ tịch | Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023 |
| Ông Phạm Trần Duy Huyền | Phó Chủ tịch | Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023 |
| Ông Trần Ngọc Minh | Phó Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023 |
| | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023 |
| Bà Nguyễn Thụy Quỳnh Hương | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023 |
| Bà Trần Tuấn Anh | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023 |
| Ông Bùi Thanh Hải | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023 |
| Ông Lê Khắc Gia Bảo | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023 |
| Ông Nguyễn Cao Cường | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023 |
| Bà Nguyễn Thị Thanh Hương | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023 |
| Bà Nguyễn Thủy Nguyên | Thành viên độc lập | Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023 |
| Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh | Thành viên độc lập | Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023 |

Ban kiểm soát

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm/tái bổ nhiệm |
|-----------------------|------------|---------------------------------------|
| Bà Đỗ Thị Tuyết Trinh | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023 |
| Ông Lê Khắc Gia Bảo | Trưởng ban | Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023 |
| Ông Vũ Phạm Thái Hà | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023 |
| Ông Đặng Minh Quân | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023 |
| Ông Nguyễn Cao Cường | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023 |
| Bà Vũ Hạnh Ngân | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023 |

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm/tái bổ nhiệm |
|---------------------------|-------------------|--|
| Ông Trần Ngọc Minh | Tổng Giám đốc | |
| Ông Lê Trung Việt | Phó Tổng Giám đốc | Tái bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2023 |
| Ông Nguyễn Hoàng An | Phó Tổng Giám đốc | Tái bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2023 |
| Bà Phạm Thị Mỹ Chi | Phó Tổng Giám đốc | Tái bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2023 |
| Ông Nguyễn Văn Minh | Phó Tổng Giám đốc | Tái bổ nhiệm ngày 05 tháng 01 năm 2023 |
| Ông Trần Văn Thái Bình | Phó Tổng Giám đốc | Tái bổ nhiệm ngày 24 tháng 5 năm 2023 |
| Ông Trần Hồng Minh | Phó Tổng Giám đốc | |
| Bà Nguyễn Thị Thanh Hương | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 05 tháng 01 năm 2023 |
| Ông Đỗ Anh Tuấn | Phó Tổng Giám đốc | Miễn nhiệm ngày 06 tháng 3 năm 2023 |

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Trần Ngọc Minh - Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 09 tháng 12 năm 2021).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Ngân hàng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Ngân hàng trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Ngân hàng có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Ngân hàng sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Ngân hàng với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Ngân hàng và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Ngân hàng tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Trần Ngọc Minh
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2023

Số: 1.1379/23/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Ngân hàng TMCP Kiên Long (sau đây gọi tắt là “Ngân hàng”), được lập ngày 29 tháng 8 năm 2023, từ trang 5 đến trang 52, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Ngân hàng theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành, các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Ngân hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Hồ Văn Tùng

Thành viên Ban Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0092-2023-008-1

Người được ủy quyền

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 8 năm 2023

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: Triệu VND

| A - TÀI SẢN | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|-------------|-------------------|-------------------|
| I. Tiền mặt, vàng bạc, đá quý | V.1 | 692.075 | 742.817 |
| II. Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước | V.2 | 6.600.866 | 1.347.927 |
| III. Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác và cho vay các TCTD khác | | 16.015.552 | 23.777.634 |
| 1. Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác | V.3.1 | 13.017.052 | 19.779.134 |
| 2. Cho vay các TCTD khác | V.3.2 | 2.998.500 | 3.998.500 |
| 3. Dự phòng rủi ro | | - | - |
| IV. Chứng khoán kinh doanh | V.4 | 411.365 | 144.176 |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | V.4 | 411.365 | 144.176 |
| 2. Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh | | - | - |
| V. Công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác | V.5 | 6.715 | 38.707 |
| VI. Cho vay khách hàng | | 47.180.480 | 44.122.736 |
| 1. Cho vay khách hàng | V.6 | 47.757.567 | 44.702.595 |
| 2. Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng | V.7 | (577.087) | (579.859) |
| VII. Hoạt động mua nợ | | - | - |
| 1. Mua nợ | | - | - |
| 2. Dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ | | - | - |
| VIII. Chứng khoán đầu tư | V.8 | 7.614.597 | 7.584.875 |
| 1. Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán | V.8 | 1.387.143 | 1.541.999 |
| 2. Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn | V.8 | 6.233.425 | 6.048.842 |
| 3. Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư | V.8 | (5.971) | (5.966) |
| IX. Góp vốn, đầu tư dài hạn | V.9 | 500.000 | 500.000 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | V.9 | 500.000 | 500.000 |
| 2. Vốn góp liên doanh | | - | - |
| 3. Đầu tư vào công ty liên kết | | - | - |
| 4. Đầu tư dài hạn khác | | - | - |
| 5. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn | | - | - |
| X. Tài sản cố định | | 1.368.884 | 1.377.333 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | V.10 | 635.202 | 652.258 |
| a. Nguyên giá tài sản cố định | V.10 | 1.103.213 | 1.093.110 |
| b. Hao mòn tài sản cố định | V.10 | (468.011) | (440.852) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | | - | - |
| a. Nguyên giá tài sản cố định | | - | - |
| b. Hao mòn tài sản cố định | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | V.11 | 733.682 | 725.075 |
| a. Nguyên giá tài sản cố định | V.11 | 837.376 | 819.876 |
| b. Hao mòn tài sản cố định | V.11 | (103.694) | (94.801) |
| XI. Bất động sản đầu tư | | - | - |
| a. Nguyên giá bất động sản đầu tư | | - | - |
| b. Hao mòn bất động sản đầu tư | | - | - |
| XII. Tài sản có khác | | 6.323.776 | 6.429.991 |
| 1. Các khoản phải thu | V.12 | 4.289.312 | 5.112.393 |
| 2. Các khoản lãi, phí phải thu | V.13 | 1.804.299 | 1.097.493 |
| 3. Tài sản thuê thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | | - | - |
| 4. Tài sản có khác | V.14 | 259.469 | 249.409 |
| 5. Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản có nội bảng khác | | (29.304) | (29.304) |
| TỔNG TÀI SẢN CÓ | | 86.714.310 | 86.066.196 |

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

| B - NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU | | Thuyết | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|--|-------------|-------------------|-------------------|
| | | minh | | |
| I. | Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước | V.15 | - | 2.451.824 |
| 1. | Tiền gửi và vay Chính phủ, NHNN | V.15 | - | 2.451.824 |
| 2. | Giao dịch bán và mua lại trái phiếu Chính phủ với Kho bạc Nhà nước | | - | - |
| II. | Tiền gửi và vay các TCTD khác | V.16 | 15.174.452 | 23.646.899 |
| 1. | Tiền gửi của các TCTD khác | V.16 | 12.166.103 | 19.623.547 |
| 2. | Vay các TCTD khác | V.16 | 3.008.349 | 4.023.352 |
| III. | Tiền gửi của khách hàng | V.17 | 61.469.377 | 52.521.563 |
| IV. | Công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác | | - | - |
| V. | Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro | | - | - |
| VI. | Phát hành giấy tờ có giá | V.18 | 1.246.950 | - |
| VII. | Các khoản nợ khác | | 3.331.482 | 2.283.833 |
| 1. | Các khoản lãi, phí phải trả | V.19 | 1.910.442 | 1.092.550 |
| 2. | Thuế TNDN hoãn lại phải trả | | - | - |
| 3. | Các khoản phải trả và công nợ khác | V.20 | 1.421.040 | 1.191.283 |
| 4. | Dự phòng rủi ro khác (dự phòng cho công nợ tiềm ẩn) | | - | - |
| | Tổng nợ phải trả | | 81.222.261 | 80.904.119 |
| VIII. | Vốn chủ sở hữu | V.21 | 5.492.049 | 5.162.077 |
| 1. | Vốn của TCTD | | 3.618.619 | 3.618.619 |
| a. | Vốn điều lệ | V.21 | 3.652.819 | 3.652.819 |
| b. | Vốn đầu tư XDCB | | - | - |
| c. | Thặng dư vốn cổ phần | | - | - |
| d. | Cổ phiếu quỹ | V.21 | (34.200) | (34.200) |
| e. | Cổ phiếu ưu đãi | | - | - |
| f. | Vốn khác | | - | - |
| 2. | Quỹ của TCTD | V.21, 22 | 383.022 | 383.022 |
| 3. | Chênh lệch tỷ giá hối đoái | V.21 | 11.587 | - |
| 4. | Chênh lệch đánh giá lại tài sản | | - | - |
| 5. | Lợi nhuận chưa phân phối/Lỗ lũy kế | V.21 | 1.478.821 | 1.160.436 |
| TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU | | | 86.714.310 | 86.066.196 |

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

| CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|-------------|------------|------------|
| | | | |
| 1. Bảo lãnh vay vốn | | - | - |
| 2. Cam kết giao dịch hối đoái | | 12.196.602 | 7.226.798 |
| <i>Cam kết mua ngoại tệ</i> | | 1.947.180 | 47.060 |
| <i>Cam kết bán ngoại tệ</i> | | 2.017.560 | 705.900 |
| <i>Cam kết giao dịch hoán đổi</i> | | 8.231.862 | 6.473.838 |
| <i>Cam kết giao dịch tương lai</i> | | - | - |
| 3. Cam kết cho vay không hủy ngang | | - | - |
| 4. Cam kết trong nghiệp vụ L/C | VIII.4 | 7.506 | 6.938 |
| 5. Bảo lãnh khác | VIII.4 | 305.800 | 257.326 |
| 6. Các cam kết khác | | - | - |
| 7. Lãi cho vay và phí phải thu chưa thu được | VIII.5 | 360.324 | 383.601 |
| 8. Nợ khó đòi đã xử lý | VIII.6 | 1.633.455 | 1.544.286 |
| 9. Tài sản và chứng từ khác | VIII.7 | 14.048.147 | 16.421.101 |

Rạch Giá, ngày 29 tháng 8 năm 2023

Thị Duyên
Người lập biểuPhạm Thị Mỹ Chi
Kế toán trưởngTrần Ngọc Minh
Tổng Giám đốc

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Triệu VND

| STT | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--------------|---|--------------|-----------------------------------|----------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| 1. | Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự | VI.1 | 4.102.253 | 2.382.180 |
| 2. | Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự | VI.2 | 3.076.455 | 1.439.621 |
| I. | Thu nhập lãi thuần | | 1.025.798 | 942.559 |
| 3. | Thu nhập từ hoạt động dịch vụ | VI.3 | 205.593 | 155.387 |
| 4. | Chi phí từ hoạt động dịch vụ | VI.3 | 7.783 | 15.211 |
| II. | Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ | VI.3 | 197.810 | 140.176 |
| III. | Lãi/lỗ thuần từ kinh doanh ngoại hối | VI.4 | 18.444 | 44.103 |
| IV. | Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh | | - | - |
| V. | Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư | VI.5 | 16.809 | 9.215 |
| 5. | Thu nhập từ hoạt động khác | VI.6 | 45.663 | 30.840 |
| 6. | Chi phí từ hoạt động khác | VI.6 | 4.355 | 2.021 |
| VI. | Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác | VI.6 | 41.308 | 28.819 |
| VII. | Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần | VI.7 | - | 323 |
| VIII. | Chi phí hoạt động | VI.8 | 804.441 | 668.552 |
| IX. | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng | | 495.728 | 496.643 |
| X. | Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng | VI.9 | 97.141 | 147.302 |
| XI. | Tổng lợi nhuận trước thuế | | 398.587 | 349.341 |
| 7. | Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | VIII.2 | 80.202 | 70.149 |
| 8. | Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | | - | - |
| XII. | Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp | | 80.202 | 70.149 |
| XIII. | Lợi nhuận sau thuế | | 318.385 | 279.192 |
| XIV. | Lãi cơ bản trên cổ phiếu | VI.10 | | |



Thị Duyên
Người lập biểu



Phạm Thị Mỹ Chi
Kế toán trưởng



Rạch Giá, ngày 29 tháng 8 năm 2023

Trần Ngọc Minh
Tổng Giám đốc

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**(Theo phương pháp trực tiếp)****6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

Đơn vị tính: Triệu VND

| CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---|-------------|-----------------------------------|---------------------|
| | | Năm nay | Năm trước |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| 01. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được | V.13; VI.1 | 3.395.447 | 2.403.023 |
| 02. Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả | V.18; VI.2 | (2.258.563) | (1.643.069) |
| 03. Thu nhập hoạt động dịch vụ nhận được | VI.3 | 197.810 | 140.176 |
| 04. Chênh lệch số tiền thực thu/ thực chi từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng bạc, chứng khoán) | VI.4, 5 | 35.253 | 53.319 |
| 05. Thu nhập khác | | (2.372) | (93) |
| 06. Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xóa, bù đắp bằng nguồn rủi ro | VI.6 | 43.679 | 26.796 |
| 07. Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ | | (695.827) | (618.339) |
| 08. Tiền thuế thực nộp trong kỳ | VIII.2 | (64.529) | (88.604) |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi về tài sản và vốn lưu động</i> | | 650.898 | 273.209 |
| <i>Những thay đổi về tài sản hoạt động</i> | | | |
| 09. (Tăng)/Giảm tiền vàng gửi và cho vay các TCTD khác | | - | - |
| 10. (Tăng)/Giảm các khoản về kinh doanh chứng khoán | | (296.911) | (1.010.561) |
| 11. (Tăng)/Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác | | 31.992 | (638) |
| 12. (Tăng)/Giảm các khoản cho vay khách hàng (Giảm)/Tăng nguồn dự phòng để xử lý rủi ro, xử lý, bù đắp tổn thất các khoản | | (3.054.972) | (215.950) |
| 13. (Tăng)/Giảm khác về tài sản hoạt động | | 810.602 | (1.231.810) |
| <i>Những thay đổi về công nợ hoạt động</i> | | | |
| 15. Tăng/(Giảm) các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước | V.15 | (2.451.824) | - |
| 16. Tăng/(Giảm) tiền gửi, tiền vay các TCTD | | (8.472.447) | (2.263.568) |
| 17. Tăng/(Giảm) tiền gửi của khách hàng (bao gồm cả tiền gửi của Kho bạc Nhà nước) | | 8.947.814 | (8.165.857) |
| 18. Tăng/(Giảm) phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ giấy tờ có giá được tính vào hoạt động tài chính) | V.18 | 1.246.950 | 100.000 |
| 19. Tăng/(Giảm) vốn tài trợ, ủy thác, đầu tư, cho vay mà TCTD phải chịu rủi ro | | - | - |
| 20. Tăng/(Giảm) các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác | | - | - |
| 21. Tăng/(Giảm) khác về công nợ hoạt động | | 182.703 | 195.109 |
| 22. Chi từ các quỹ của TCTD | V.20 | (41.093) | (2.694) |
| I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | | (2.546.201) | (12.322.760) |

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---|-------------|-----------------------------------|---------------------|
| | | Năm nay | Năm trước |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| 01. Mua sắm tài sản cố định | | (25.278) | (52.065) |
| 02. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định | | 7 | 2.115 |
| 03. Tiền chi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định | | - | - |
| 04. Mua sắm bất động sản đầu tư | | - | - |
| 05. Tiền thu từ bán, thanh lý bất động sản đầu tư | | - | - |
| 06. Tiền chi ra do bán, thanh lý bất động sản đầu tư | | - | - |
| 07. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác (chi đầu tư mua công ty con, góp vốn liên doanh, liên kết, và các khoản đầu tư dài hạn khác) | | - | - |
| 08. Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác (thu bán, thanh lý công ty con, góp vốn liên doanh, liên kết, các khoản đầu tư dài hạn khác) | | - | - |
| 09. Tiền thu cổ tức, lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn | VI.7 | - | 323 |
| II. Lưu chuyển từ hoạt động đầu tư | | (25.271) | (49.627) |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| 01. Tăng vốn cổ phần từ hoạt động góp vốn và/hoặc phát hành cổ phiếu | | - | - |
| 02. Tiền thu từ phát hành giấy tờ dài hạn đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vay dài hạn khác | | - | - |
| 03. Tiền chi thanh toán giấy tờ dài hạn đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vay dài hạn khác | | - | - |
| 04. Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia | | - | - |
| 05. Tiền chi ra mua cổ phiếu quỹ | | - | - |
| 06. Tiền thu được do bán cổ phiếu quỹ | | - | - |
| III. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | | - | - |
| IV. Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | | (2.571.472) | (12.372.387) |
| V. Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm đầu năm | V.II | 25.868.378 | 35.674.178 |
| VI. Điều chỉnh ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá | | 11.587 | (10.685) |
| VII. Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm cuối kỳ | V.II | 23.308.493 | 23.291.106 |




Thị Duyên
Người lập biểu



Phạm Thị Mỹ Chi
Kế toán trưởng



Rạch Giá, ngày 29 tháng 8 năm 2023


Trần Ngọc Minh
Tổng Giám đốc

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG

1. Giấy phép thành lập và hoạt động, thời hạn có giá trị

Ngân hàng TMCP Kiên Long, tên gọi trước đây là Ngân hàng TMCP Nông thôn Kiên Long (sau đây gọi tắt là “Ngân hàng”) hoạt động theo:

- Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng số 0056/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 18 tháng 9 năm 1995.
- Giấy phép thành lập ngân hàng số 1115/GP-UB ngày 02 tháng 10 năm 1995 do Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang cấp.

Năm 2006, Ngân hàng được đổi tên thành Ngân hàng TMCP Kiên Long và được chuyển đổi mô hình hoạt động từ ngân hàng nông thôn sang ngân hàng đô thị.

Ngân hàng đăng ký hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1700197787 đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 10 năm 1995 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp. Trong quá trình hoạt động, Ngân hàng đã nhiều lần được điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trong đó lần điều chỉnh gần nhất là vào ngày 21 tháng 12 năm 2022.

Thời hạn hoạt động của Ngân hàng là 50 năm kể từ ngày 18 tháng 9 năm 1995.

Hoạt động chính của Ngân hàng là thực hiện các giao dịch ngân hàng, bao gồm: huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cấp tín dụng ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các nghiệp vụ thanh toán ngân quỹ và các dịch vụ ngân hàng khác được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho phép; thực hiện góp vốn, mua cổ phần, đầu tư trái phiếu và kinh doanh ngoại tệ theo quy định của pháp luật; dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn.

2. Hình thức sở hữu vốn

Ngân hàng TMCP Kiên Long là ngân hàng thương mại cổ phần.

3. Vốn điều lệ

Số vốn điều lệ của Ngân hàng tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2023 là 3.652.819 triệu VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 3.652.819 triệu VND).

4. Mạng lưới hoạt động

Trụ sở chính của Ngân hàng đặt tại 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Ngân hàng có một (01) hội sở chính, ba mươi một (31) chi nhánh và một trăm lẻ ba (103) phòng giao dịch trên toàn quốc.

5. Công ty con

Ngân hàng đầu tư vào công ty con là Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản – Ngân hàng TMCP Kiên Long có trụ sở tại tầng 6, số 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang. Công ty con này được hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1701452905, đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 11 năm 2010 và điều chỉnh gần nhất vào ngày 21 tháng 02 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty con này là: tư vấn, môi giới kinh doanh, cho thuê bất động sản, quyền sử dụng đất; quản lý các khoản nợ vay và tài sản bảo đảm nợ vay; thẩm định giá và quản lý hồ sơ tài sản bảo đảm; tái cơ cấu các khoản vay; mua khoản nợ từ và bán khoản nợ cho các tổ chức tín dụng. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Ngân hàng tại công ty con này là 100% (số đầu năm là 100%).

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Ngân hàng có 3.461 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 3.455 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Ngân hàng bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND). Theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các số liệu được làm tròn đến hàng triệu và trình bày theo đơn vị triệu Đồng Việt Nam (triệu VND) khi lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Ngân hàng áp dụng Hệ thống kế toán các Tổ chức tín dụng (TCTD) Việt Nam do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 4 năm 2004, Thông tư số 10/2014/TT-NHNN ngày 20 tháng 3 năm 2014, Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 22/2017/TT-NHNN ngày 29 tháng 12 năm 2017 và Thông tư số 27/2021/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2021. Việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được áp dụng theo Chế độ Báo cáo tài chính đối với các Tổ chức tín dụng ban hành theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 22/2017/TT-NHNN ngày 29 tháng 12 năm 2017 và Thông tư số 27/2021/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các chuẩn mực kế toán có liên quan.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các TCTD do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Ngân hàng cũng lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Ngân hàng và công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các TCTD do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Tập đoàn để có đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ và kết quả hoạt động hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

3. Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, ngoại trừ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ được lập theo phương pháp trực tiếp.

15.
TY
HUUH
TUVA
C
10C

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

IV. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI NGÂN HÀNG

1. Chuyển đổi ngoại tệ

Tất cả các nghiệp vụ phát sinh của Ngân hàng được hạch toán theo nguyên tệ. Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi sang VND theo tỷ giá bình quân mua và bán chuyển khoản giao ngay của ngoại tệ đó (“tỷ giá giao ngay”) tại thời điểm cuối ngày làm việc cuối cùng của kỳ kế toán nếu tỷ giá giao ngay này chênh lệch nhỏ hơn 1% so với tỷ giá bình quân gia quyền mua và bán của ngày làm việc cuối cùng của kỳ kế toán, trường hợp tỷ giá giao ngay tại thời điểm cuối ngày làm việc cuối cùng của kỳ kế toán chênh lệch lớn hơn hoặc bằng 1% so với tỷ giá bình quân gia quyền mua và bán của ngày làm việc cuối cùng của kỳ kế toán thì Ngân hàng dùng tỷ giá bình quân gia quyền mua và bán của ngày làm việc cuối cùng của kỳ kế toán. Các khoản mục phi tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi ra VND theo tỷ giá giao ngay tại ngày phát sinh nghiệp vụ.

Các giao dịch liên quan đến thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ của Ngân hàng được quy đổi sang VND theo tỷ giá bình quân mua và bán chuyển khoản tại ngày phát sinh giao dịch.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các tài sản và công nợ bằng ngoại tệ sang VND tại ngày báo cáo hàng tháng được ghi nhận vào tài khoản “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc vốn chủ sở hữu và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động riêng vào cuối kỳ kế toán năm.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, tiền gửi tại các TCTD khác, cho vay các TCTD khác với kỳ hạn gốc không quá ba tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền nhất định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị, và được nắm giữ với mục đích đáp ứng các cam kết thanh toán ngắn hạn hơn là để đầu tư hay cho các mục đích khác.

3. Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác

Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác

Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác bao gồm tiền gửi không kỳ hạn; tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá ba tháng tại các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong nước và tiền gửi tại các tổ chức tín dụng nước ngoài.

Tiền gửi (trừ tiền gửi thanh toán) tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong nước và tiền gửi tại tổ chức tín dụng ở nước ngoài được phản ánh theo số dư trừ đi dự phòng rủi ro tín dụng.

Việc phân loại rủi ro tín dụng đối với các khoản tiền gửi (trừ tiền gửi thanh toán tại các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong nước) và trích lập dự phòng tương ứng được thực hiện theo Thông tư số 11/2021/TT-NHNN ngày 30 tháng 7 năm 2021 quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (Thông tư số 11/2021/TT-NHNN) của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Ngân hàng thực hiện việc phân loại các khoản tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác dựa trên phương pháp định lượng theo các quy định trên. Việc tính dự phòng cụ thể các khoản tiền gửi tại các tổ chức tín dụng được căn cứ trên tình trạng quá hạn của nợ gốc hoặc lãi với các tỷ lệ trích lập như sau:

| | | |
|-----------------------------------|---|------|
| • Nhóm 1 (nợ đủ tiêu chuẩn) | : | 0% |
| • Nhóm 2 (nợ cần chú ý) | : | 5% |
| • Nhóm 3 (nợ dưới tiêu chuẩn) | : | 20% |
| • Nhóm 4 (nợ nghi ngờ) | : | 50% |
| • Nhóm 5 (nợ có khả năng mất vốn) | : | 100% |

Cho vay các tổ chức tín dụng khác

Cho vay các tổ chức tín dụng khác là các khoản cho vay có kỳ hạn gốc dưới một năm.

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Cho vay các tổ chức tín dụng khác được phản ánh theo số dư nợ gốc trừ đi dự phòng rủi ro tín dụng.

Việc phân loại rủi ro tín dụng của các khoản cho vay các tổ chức tín dụng khác và trích lập dự phòng cụ thể tương ứng được thực hiện theo Thông tư số 11/2021/TT-NHNN tương tự như chính sách áp dụng đối với các khoản tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác như được trình bày ở trên.

Theo Thông tư số 11/2021/TT-NHNN, Ngân hàng không cần phải trích lập dự phòng chung đối với các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác.

4. Chứng khoán kinh doanh

Phân loại

Chứng khoán kinh doanh là những chứng khoán được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn hoặc có bằng chứng về việc kinh doanh các chứng khoán đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn.

Ghi nhận

Ngân hàng ghi nhận chứng khoán kinh doanh vào ngày Ngân hàng trở thành bên đối tác trong các điều khoản hợp đồng đối với các chứng khoán này.

Đo lường

Chứng khoán kinh doanh được phản ánh theo giá trị sổ sách trừ dự phòng giảm giá chứng khoán. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá chứng khoán thực tế trên thị trường thấp hơn giá trị sổ sách. Mức trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh tối đa bằng giá trị sổ sách của khoản chứng khoán đó.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh sẽ được hoàn nhập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính năm khi số dự phòng phải trích lập năm nay thấp hơn số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh đã trích lập ở báo cáo năm trước, hoặc tại các thời điểm khác khi lập Báo cáo tài chính mà Ngân hàng không còn nắm giữ bất kỳ loại chứng khoán kinh doanh nào.

Giá vốn chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Chấm dứt ghi nhận

Chứng khoán kinh doanh được chấm dứt ghi nhận khi quyền lợi thu các luồng tiền từ các chứng khoán này đã chấm dứt hoặc Ngân hàng đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu các chứng khoán này.

5. Cho vay khách hàng và phương pháp trích lập dự phòng rủi ro tín dụng

Tiền vay được ghi nhận khi Ngân hàng và khách hàng ký kết hợp đồng vay, kế ước nhận nợ và Ngân hàng giải ngân cho khách hàng.

Phương thức cho vay đối với tổ chức và cá nhân dưới các hình thức: vay từng lần, theo hạn mức, theo dự án đầu tư,....

Hình thức đảm bảo tiền vay chủ yếu là cầm cố, thế chấp tài sản. Ngoài ra, Ngân hàng còn cho vay tín chấp.

Phân loại các khoản cho vay khách hàng

Việc phân loại nợ và lập dự phòng rủi ro tín dụng được thực hiện theo Thông tư số 11/2021/TT-NHNN. Ngân hàng cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng do dịch Covid – 19 theo Thông tư số 01/2020/TT-NHNN ngày 13 tháng 3 năm 2020, Thông tư số 03/2021/TT-NHNN ngày 02 tháng 4 năm 2021, Thông tư số 14/2021/TT-NHNN ngày 07 tháng 9 năm 2021 sửa đổi và bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-NHNN, Thông tư 02/2023/TT-NHNN ngày 23 tháng 4 năm 2023 do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành.

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Trường hợp một khách hàng có nhiều hơn một khoản nợ với Ngân hàng mà có bất kỳ khoản nợ nào bị chuyển sang nhóm nợ rủi ro cao hơn thì Ngân hàng phải phân loại các khoản nợ còn lại của khách hàng đó vào nhóm nợ rủi ro cao hơn tương ứng với mức độ rủi ro, ngoại trừ số dư nợ sau khi cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ theo quy định tại Thông tư 01/2020/TT-NHNN, Thông tư 03/2021/TT-NHNN, Thông tư số 14/2021/TT-NHNN và Thông tư số 02/2023/TT-NHNN còn trong hạn theo thời hạn cơ cấu lại, Ngân hàng không áp dụng nguyên tắc điều chỉnh, phân loại lại vào nhóm nợ có mức độ rủi ro cao hơn.

Khi Ngân hàng tham gia cho vay hợp vốn không phải với vai trò là ngân hàng đầu mối, Ngân hàng thực hiện phân loại các khoản nợ (bao gồm cả khoản vay hợp vốn) của khách hàng đó vào nhóm rủi ro cao hơn giữa đánh giá của ngân hàng đầu mối và đánh giá của các ngân hàng cho vay hợp vốn.

Theo quy định của Thông tư số 11/2021/TT-NHNN, Ngân hàng sử dụng kết quả phân loại nhóm nợ đối với khách hàng do Trung tâm Thông tin tín dụng (“CIC”) cung cấp để điều chỉnh kết quả tự phân loại nợ hàng tháng. Trường hợp nợ của khách hàng được Ngân hàng phân loại vào nhóm nợ có mức độ rủi ro thấp hơn nhóm nợ theo danh sách do CIC cung cấp, Ngân hàng phải điều chỉnh kết quả phân loại nợ theo nhóm nợ được CIC cung cấp.

Dự phòng rủi ro tín dụng các khoản cho vay khách hàng

Việc tính dự phòng cụ thể được căn cứ trên các tỷ lệ dự phòng áp dụng cho từng nhóm nợ như sau:

- | | | |
|-----------------------------------|---|------|
| • Nhóm 1 (nợ đủ tiêu chuẩn) | : | 0% |
| • Nhóm 2 (nợ cần chú ý) | : | 5% |
| • Nhóm 3 (nợ dưới tiêu chuẩn) | : | 20% |
| • Nhóm 4 (nợ nghi ngờ) | : | 50% |
| • Nhóm 5 (nợ có khả năng mất vốn) | : | 100% |

Theo Thông tư số 11/2021/TT-NHNN dự phòng chung được lập với mức bằng 0,75% tổng số dư tại ngày cuối tháng của các khoản cho vay khách hàng, không bao gồm các khoản cho vay khách hàng được phân loại vào nhóm nợ có khả năng mất vốn.

Theo Thông tư số 11/2021/TT-NHNN, dự phòng cụ thể được tính theo số dư các khoản cho vay từng khách hàng tại ngày cuối tháng trừ đi giá trị khấu trừ của tài sản đảm bảo. Giá trị và tỷ lệ khấu trừ của tài sản đảm bảo được xác định theo các quy định của Thông tư số 11/2021/TT-NHNN. Tài sản bảo đảm có giá trị từ 50 tỷ đồng Việt Nam trở lên đối với khoản nợ của khách hàng là bên có liên quan của Ngân hàng và các đối tượng khác theo quy định tại Điều 127 của Luật các tổ chức tín dụng và tài sản bảo đảm có giá trị từ 200 tỷ đồng Việt Nam trở lên đối với các khoản nợ của các khách hàng khác phải được định giá bởi tổ chức có chức năng thẩm định giá, đối với các trường hợp khác các trường hợp nêu trên, tài sản bảo đảm được định giá theo quy định và quy trình nội bộ của Ngân hàng. Tài sản bảo đảm nào không đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Thông tư số 11/2021/TT-NHNN thì giá trị khấu trừ của tài sản bảo đảm đó xem như bằng không.

Dự phòng cụ thể được trích lập bổ sung theo hướng dẫn tại Thông tư số 03/2021/TT-NHNN, Thông tư số 14/2021/TT-NHNN về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-NHNN quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid – 19.

Sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro các khoản cho vay khách hàng

Các khoản cho vay khách hàng sẽ được xử lý bằng nguồn dự phòng rủi ro sau khi được phân loại vào Nhóm 5 hoặc khi khách hàng vay bị phá sản hoặc giải thể (đối với trường hợp khách hàng vay là tổ chức, doanh nghiệp), hoặc khi khách hàng vay chết hoặc mất tích (đối với trường hợp khách hàng vay là cá nhân). Các khoản nợ được xử lý rủi ro theo quyết định của Hội đồng Xử lý Rủi ro của Ngân hàng sau khi đã xem xét thấy mọi nỗ lực cần thiết để thu hồi khoản nợ, bao gồm cả các hành động pháp lý đều không có kết quả.

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Ngân hàng chuyên khoản nợ được sử dụng dự phòng xử lý rủi ro ra hạch toán trên các tài khoản ngoại bảng và tiếp tục theo dõi, có biện pháp để thu hồi nợ đầy đủ theo thỏa thuận đã ký với khách hàng.

Các cam kết ngoại bảng

Các cam kết ngoại bảng bao gồm: các khoản bảo lãnh, cam kết giao dịch hối đoái và cam kết trong nghiệp vụ L/C.

Việc phân loại các khoản cam kết ngoại bảng nhằm mục đích quản lý, giám sát chất lượng hoạt động cấp tín dụng và được thực hiện theo chính sách áp dụng đối với các khoản cho vay khách hàng được trình bày tại Thuyết minh trên.

Toàn bộ số dư nợ và giá trị các cam kết ngoại bảng của một khách hàng tại một tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải được phân loại vào cùng một nhóm nợ. Đối với khách hàng có từ hai khoản nợ và/hoặc cam kết ngoại bảng trở lên tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mà có bất cứ một khoản nợ hoặc cam kết ngoại bảng nào bị phân loại vào nhóm có mức độ rủi ro cao hơn các khoản nợ hoặc cam kết ngoại bảng khác thì tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đó phải phân loại lại các khoản nợ hoặc cam kết ngoại bảng còn lại của khách hàng vào nhóm có mức độ rủi ro cao nhất.

Theo Thông tư số 11/2021/TT-NHNN, Ngân hàng không cần phải lập dự phòng rủi ro cho các cam kết ngoại bảng.

6. Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư bao gồm chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán và chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn. Ngân hàng phân loại chứng khoán đầu tư tại thời điểm mua là chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán hoặc chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn. Theo Công văn số 2601/NHNN-TCKT ngày 14 tháng 4 năm 2009 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, đối với khoản mục chứng khoán đầu tư, Ngân hàng được phép phân loại lại tối đa một lần sau khi phân loại lần đầu tại thời điểm mua.

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán là chứng khoán nợ hoặc chứng khoán vốn được giữ trong thời gian không ấn định trước và có thể được bán trong mọi thời điểm.

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là chứng khoán nợ có kỳ hạn cố định và các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được mà Ngân hàng có ý định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Ghi nhận chứng khoán đầu tư

Ngân hàng ghi nhận chứng khoán đầu tư tại ngày khớp lệnh đối với chứng khoán niêm yết hoặc tại ngày Ngân hàng chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật đối với chứng khoán chưa niêm yết.

Chứng khoán nợ

Chứng khoán nợ sẵn sàng để bán và chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng các chi phí có liên quan trực tiếp như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau đó, các chứng khoán này được ghi nhận theo giá gốc được phân bổ (chịu tác động của việc phân bổ giá trị chiết khấu và giá trị phụ trội) trừ đi dự phòng rủi ro chứng khoán (bao gồm dự phòng rủi ro tín dụng và dự phòng giảm giá chứng khoán). Giá trị phụ trội và giá trị chiết khấu phát sinh từ việc mua các chứng khoán nợ được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian nắm giữ.

Chứng khoán nợ sẵn sàng để bán đã niêm yết được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá bằng cách tham khảo giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Ngân hàng không thực hiện trích lập dự phòng đối với chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn trừ khi có dấu hiệu về sự giảm giá chứng khoán kéo dài hoặc có bằng chứng chắc chắn là Ngân hàng khó có thể thu hồi đầy đủ khoản đầu tư.

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Chứng khoán nợ sẵn sàng để bán và chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn của doanh nghiệp chưa niêm yết được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng rủi ro tín dụng theo quy định của Thông tư số 11/2021/TT-NHNN.

Lãi sau khi mua của chứng khoán nợ sẵn sàng để bán và chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động riêng giữa niên độ trên cơ sở dồn tích. Khoản tiền lãi dồn tích trước khi Ngân hàng mua sẽ được ghi giảm giá gốc khi nhận được.

Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư được đề cập ở trên sẽ được hoàn nhập khi giá chứng khoán hoặc giá trị có thể thu hồi của chứng khoán đầu tư tăng lên sau khi khoản dự phòng được ghi nhận. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của các chứng khoán này trong trường hợp không phải lập dự phòng.

Châm dứt ghi nhận chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư được dừng ghi nhận tại ngày khớp lệnh bán đối với chứng khoán niêm yết hoặc Ngân hàng đã chính thức chuyển quyền sở hữu theo quy định của pháp luật đối với chứng khoán chưa niêm yết.

7. Đầu tư vào công ty con

Công ty con là công ty chịu sự kiểm soát của Ngân hàng. Sự kiểm soát tồn tại khi Ngân hàng có quyền điều hành các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị được đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát có thể xét đến quyền biểu quyết tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Các khoản đầu tư vào công ty con được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Ngân hàng tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động riêng giữa niên độ. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này trong trường hợp không phải lập dự phòng.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Ngân hàng phải bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|-----------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 – 50 |
| Máy móc, thiết bị | 05 – 15 |
| Phương tiện vận chuyển | 06 – 10 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 – 08 |
| Tài sản cố định khác | 05 – 10 |

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Ngân hàng phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Ngân hàng bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Ngân hàng đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng đất (36 - 49 năm), riêng quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Ngân hàng đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 03 đến 08 năm.

10. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

11. Các tài sản có khác

Chi phí mua sắm tài sản cố định, xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí mua sắm tài sản, xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí mua sắm tài sản, sửa chữa trụ sở, xây dựng và nâng cấp phần mềm máy vi tính chưa được hoàn thành. Ngân hàng không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và nâng cấp.

Tài sản thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ của bên bảo đảm

Tài sản thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ của bên bảo đảm đã chuyển quyền sở hữu chờ xử lý là những tài sản gán nợ đã chuyển quyền sở hữu cho Ngân hàng.

Các tài sản Có khác

Các tài sản Có khác, ngoài các khoản phải thu từ hoạt động tín dụng, được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng.

Các tài sản Có khác được xem xét trích lập dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào chi phí hoạt động trong kỳ.



NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Đối với các tài sản Có quá hạn thanh toán, Ngân hàng áp dụng mức trích lập dự phòng theo thời gian quá hạn theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 8 năm 2019 của Bộ Tài chính cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí hoạt động.

12. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả gồm các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước, tiền gửi và vay các TCTD khác, tiền gửi của khách hàng và các khoản nợ khác được thể hiện theo giá gốc.

13. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Ngân hàng có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được ước tính một cách đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

14. Công cụ tài chính phái sinh

Các công cụ tài chính phái sinh được ghi nhận trên Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị hợp đồng vào ngày giao dịch và sau đó được đánh giá lại theo giá trị hợp lý. Lãi hoặc lỗ khi các công cụ tài chính phái sinh đã thực hiện được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động riêng giữa niên độ. Lãi hoặc lỗ chưa thực hiện không được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động riêng giữa niên độ mà được ghi nhận vào khoản mục chênh lệch đánh giá lại các công cụ tài chính phái sinh trên Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ và được kết chuyển vào Báo cáo kết quả hoạt động riêng vào thời điểm cuối kỳ kế toán năm.

15. Vốn chủ sở hữu và các quỹ

Vốn điều lệ

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí phát sinh trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như một khoản giảm trừ vào vốn chủ sở hữu.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Ngân hàng phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Các quỹ dự trữ

Theo Nghị định số 93/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về chế độ tài chính đối với các TCTD, Ngân hàng phải trích lập các quỹ như sau trước khi phân phối lợi nhuận:

| | <u>Trích lập hàng năm</u> | <u>Số dư tối đa</u> |
|--------------------------------|---------------------------|---------------------|
| Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ | 5% lợi nhuận sau thuế | Vốn điều lệ |
| Quỹ dự phòng tài chính | 10% lợi nhuận sau thuế | Không quy định |

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Ngân hàng.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Ngân hàng theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Quỹ dự phòng tài chính và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ không được phép phân phối và được ghi nhận như một phần của vốn chủ sở hữu.

Các quỹ khác thuộc nguồn vốn chủ sở hữu được trích từ lợi nhuận sau thuế. Việc trích từ lợi nhuận sau thuế và việc sử dụng các quỹ khác phải được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Các quỹ này không được quy định bởi pháp luật và được phép phân phối hết.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi không do pháp luật quy định được trích lập từ lợi nhuận sau thuế và được phép phân phối hết, chủ yếu được dùng để chi trả cho cán bộ, công nhân viên của Ngân hàng. Quỹ khen thưởng và phúc lợi được ghi nhận trong phần nợ phải trả của Ngân hàng.

16. Các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ

Tại từng thời điểm, Ngân hàng có các cam kết cấp tín dụng chưa thực hiện. Các cam kết này ở dưới dạng các khoản cho vay và thấu chi đã được phê duyệt. Ngân hàng cũng cung cấp các bảo lãnh tài chính và thư tín dụng để bảo lãnh việc thực hiện hợp đồng của khách hàng đối với bên thứ ba. Cam kết và các khoản nợ tiềm tàng có thể đáo hạn trước khi giải ngân một phần hoặc toàn bộ các khoản đã cam kết. Do đó, các khoản cam kết và nợ tiềm ẩn này không nhất thiết phản ánh luồng lưu chuyển tiền tệ dự kiến trong tương lai.

17. Thu nhập lãi, chi phí lãi và ngừng dự thu lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động riêng giữa niên độ trên cơ sở dồn tích, ngoại trừ tiền lãi từ các khoản nợ được phân loại từ nhóm 2 đến nhóm 5 và các khoản nợ được giữ nguyên nhóm 1 (nợ đủ tiêu chuẩn) do thực hiện chính sách đặc biệt của Nhà nước được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động riêng giữa niên độ khi Ngân hàng thực sự thu được.

Khi một khoản nợ được giữ nguyên Nhóm nợ đủ tiêu chuẩn do thực hiện chính sách đặc biệt của Nhà nước thì số lãi phải thu phát sinh trong kỳ không được hạch toán là thu nhập và Ngân hàng thực hiện theo dõi ngoại bảng. Thu nhập lãi của các khoản nợ này được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động riêng giữa niên độ khi Ngân hàng thực sự thu được.

Đối với thu lãi tiền gửi, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu,... là số lãi phải thu trong kỳ.

Các khoản chi phí trả lãi vay, tiền gửi được hạch toán trên cơ sở dự chi.

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

18. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ

Thu nhập từ hoạt động dịch vụ bao gồm phí nhận được từ dịch vụ thanh toán, dịch vụ ngân quỹ và các dịch vụ khác. Thu nhập nhận được từ dịch vụ thanh toán, dịch vụ ngân quỹ và các dịch vụ khác được ghi nhận khi thu được.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động riêng giữa niên độ trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Ngân hàng có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Ngân hàng dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ trong tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

20. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Ngân hàng gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước, tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Ngân hàng có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Ngân hàng có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dùng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động được xác định theo giá hợp lý, các tài sản tài chính khác được ghi nhận theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

21. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

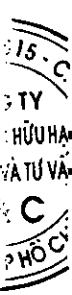
Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Ngân hàng gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động và các khoản nợ phải trả tài chính khác.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động tại thời điểm ghi nhận ban đầu.



NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Ngân hàng có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động được ghi nhận theo giá hợp lý.

Nợ phải trả tài chính khác

Các khoản nợ phải trả tài chính khác gồm: tiền gửi và vay từ Ngân hàng Nhà nước và các TCTD khác, tiền gửi của khách hàng, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Ngân hàng sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

22. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ khi và chỉ khi Ngân hàng:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ; có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể; có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Ngân hàng.

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

24. Bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp và các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Ngân hàng và công ty con hoặc chịu sự kiểm soát của Ngân hàng và công ty con, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Ngân hàng và công ty con. Các bên liên kết và các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Ngân hàng và công ty con mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Ngân hàng và công ty con, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc, thành viên Ban kiểm soát, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, cần chú ý đến bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của mối quan hệ đó.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền mặt, vàng bạc, đá quý

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|------------------------|----------------|----------------|
| Tiền mặt bằng VND | 657.359 | 701.168 |
| Tiền mặt bằng ngoại tệ | 34.716 | 41.649 |
| Cộng | 692.075 | 742.817 |

2. Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|------------------------|------------------|------------------|
| Tiền gửi bằng VND | 6.573.719 | 1.341.428 |
| Tiền gửi bằng ngoại tệ | 27.147 | 6.499 |
| Cộng | 6.600.866 | 1.347.927 |

Phản ánh các tài khoản tiền gửi thanh toán và tiền gửi dự trữ bắt buộc tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo quy định. Trong đó, tiền gửi dự trữ bắt buộc được xác định tuân thủ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, với tỷ lệ dự trữ là:

- Tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 12 tháng: 3% đối với VND, 8% đối với ngoại tệ.
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên: 1% đối với VND, 6% đối với ngoại tệ.
- Tiền gửi ở nước ngoài: 1% đối với ngoại tệ.

3. Tiền gửi và cho vay các TCTD khác

3.1 Tiền gửi tại các TCTD khác

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|-----------------------|-------------------|-------------------|
| Tiền gửi không kỳ hạn | 4.684.452 | 4.689.334 |
| <i>Bằng VND</i> | 4.583.725 | 4.521.126 |
| <i>Bằng ngoại tệ</i> | 100.727 | 168.208 |
| Tiền gửi có kỳ hạn | 8.332.600 | 15.089.800 |
| <i>Bằng VND</i> | 5.517.400 | 14.148.600 |
| <i>Bằng ngoại tệ</i> | 2.815.200 | 941.200 |
| Cộng | 13.017.052 | 19.779.134 |

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

3.2 Cho vay các TCTD khác

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|-----------------------|------------------|------------------|
| Cho vay các TCTD khác | 2.998.500 | 3.998.500 |
| <i>Bằng VND</i> | 2.998.500 | 3.998.500 |
| Cộng | 2.998.500 | 3.998.500 |

Phân tích chất lượng nợ vay

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, tất cả các khoản tiền gửi và cho vay tại các tổ chức tín dụng khác đều được phân loại là Nhóm 1 – Nợ đủ tiêu chuẩn.

4. Chứng khoán kinh doanh

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|----------------|----------------|
| <i>Chứng khoán nợ</i> | | |
| Chứng khoán do các TCTD khác trong nước phát hành (chưa niêm yết) | - | 144.176 |
| Chứng khoán do các TCTD khác trong nước phát hành (đã niêm yết) | 411.365 | - |
| Cộng | 411.365 | 144.176 |

5. Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác

| | Tổng giá trị hợp đồng (theo tỷ giá hối đoái tại ngày hiệu lực hợp đồng) | Tổng giá trị ghi sổ (theo tỷ giá hối đoái tại ngày cuối kỳ) |
|--|---|---|
| Số cuối kỳ | | |
| Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ (Giao dịch hoán đổi tiền tệ) | 258.060 | 6.715 |
| Cộng | 258.060 | 6.715 |
| Số đầu năm | | |
| Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ (Giao dịch hoán đổi tiền tệ) | 1.692.506 | 21.876 |
| Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ (Giao dịch kỳ hạn tiền tệ) | 1.388.270 | 16.831 |
| Cộng | 3.080.776 | 38.707 |

6. Cho vay khách hàng

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|-------------------|-------------------|
| Cho vay các tổ chức kinh tế và cá nhân trong nước | 47.757.137 | 44.700.596 |
| Cho vay bằng vốn tài trợ, ủy thác đầu tư | 430 | 1.999 |
| Cộng | 47.757.567 | 44.702.595 |

Phân tích chất lượng nợ vay

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|------------------------|-------------------|-------------------|
| Nợ đủ tiêu chuẩn | 46.322.639 | 43.501.787 |
| Nợ cần chú ý | 645.191 | 355.793 |
| Nợ dưới tiêu chuẩn | 93.640 | 75.282 |
| Nợ nghi ngờ | 178.965 | 121.976 |
| Nợ có khả năng mất vốn | 517.132 | 647.757 |
| Cộng | 47.757.567 | 44.702.595 |

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Phân tích dư nợ theo thời gian

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--------------|-------------------|-------------------|
| Nợ ngắn hạn | 28.378.157 | 27.619.454 |
| Nợ trung hạn | 14.046.282 | 10.291.949 |
| Nợ dài hạn | 5.333.128 | 6.791.192 |
| Cộng | 47.757.567 | 44.702.595 |

Phân tích dư nợ theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-----------------------------|-------------------|-------------------|
| Hộ kinh doanh và cá nhân | 16.709.786 | 22.339.786 |
| Công ty trách nhiệm hữu hạn | 25.884.492 | 17.058.356 |
| Công ty cổ phần | 5.162.208 | 5.302.093 |
| Doanh nghiệp tư nhân | 1.081 | 2.360 |
| Cộng | 47.757.567 | 44.702.595 |

Phân tích dư nợ theo ngành kinh tế

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-------------------|-------------------|
| Hoạt động sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình | 7.620.450 | 8.172.209 |
| Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản | 4.750.274 | 7.043.685 |
| Hoạt động dịch vụ khác | 20.880.436 | 18.203.288 |
| Lĩnh vực bất động sản (kinh doanh, tự sử dụng) | 3.090.034 | 2.928.243 |
| Hoạt động đầu tư | 277.000 | 270.000 |
| Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ | 3.955.765 | 3.162.642 |
| Xây dựng | 6.687.802 | 4.667.549 |
| Vận tải kho bãi | 260.038 | 6.801 |
| Công nghiệp chế biến, chế tạo | 86.952 | 41.954 |
| Dịch vụ lưu trú và ăn uống | 134.126 | 192.321 |
| Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội | - | 2.000 |
| Thông tin và truyền thông | 2.009 | 409 |
| Giáo dục và đào tạo | 10.725 | 10.725 |
| Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí | 530 | 640 |
| Nghệ thuật, vui chơi và giải trí | 45 | 45 |
| Khai khoáng | 745 | - |
| Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ | 636 | 84 |
| Cộng | 47.757.567 | 44.702.595 |

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)**7. Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng***Đối với sự thay đổi (tăng/giảm) của dự phòng rủi ro tín dụng*

| | <u>Dự phòng chung</u> | <u>Dự phòng cụ thể</u> |
|--|-----------------------|------------------------|
| Kỳ này | | |
| Số đầu kỳ này | (323.385) | (256.474) |
| Dự phòng rủi ro trích lập trong kỳ này | (12.860) | (84.281) |
| Sử dụng dự phòng trong kỳ này | - | 99.913 |
| Số dư cuối kỳ này | (336.245) | (240.842) |
| Kỳ trước | | |
| Số đầu kỳ trước | (260.629) | (106.187) |
| Dự phòng rủi ro trích lập trong kỳ trước | (11.377) | (135.925) |
| Số cuối kỳ trước | (272.006) | (242.112) |

Chi tiết số dư dự phòng

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------------------------------|-------------------|-------------------|
| Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng: | | |
| Dự phòng chung | (336.245) | (323.385) |
| Dự phòng cụ thể | (240.842) | (256.474) |
| Cộng | (577.087) | (579.859) |

8. Chứng khoán đầu tư

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-------------------|-------------------|
| Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán | 1.387.143 | 1.541.999 |
| <i>Chứng khoán nợ</i> | | |
| - Trái phiếu Chính phủ | 49.794 | 348.597 |
| - Trái phiếu do các TCTD khác trong nước phát hành | 541.106 | 397.800 |
| - Trái phiếu do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành | 796.243 | 795.602 |
| Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán | (5.971) | (5.966) |
| Dự phòng chung | (5.971) | (5.966) |
| Cộng chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán | 1.381.172 | 1.536.033 |
| Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (không bao gồm trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành) | | |
| <i>Chứng khoán nợ</i> | | |
| Trái phiếu Chính phủ ⁽¹⁾ | 6.233.425 | 6.048.842 |
| Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn | 6.233.425 | 6.048.842 |
| Cộng chứng khoán đầu tư | 7.614.597 | 7.584.875 |

⁽¹⁾ Trong trái phiếu Chính phủ có các loại trái phiếu với tổng mệnh giá 75.000 triệu VND (số đầu năm là 3.616.000 triệu VND) được Ngân hàng cầm cố tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để tham gia nghiệp vụ thị trường mở, hạn mức bù trừ và hạn mức nợ ròng (xem thuyết minh số IX.5).

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Biến động dự phòng chung trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết như sau:

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|-----------------------------|-----------------------------------|----------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Số dư đầu năm | (5.966) | (5.956) |
| Trích lập dự phòng trong kỳ | (5) | (5) |
| Số dư cuối kỳ | (5.971) | (5.961) |

9. Đầu tư vào công ty con

Khoản góp vốn vào Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản – Ngân hàng TMCP Kiên Long. Công ty này hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1701452905, đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 11 năm 2010 và điều chỉnh gần nhất vào ngày 21 tháng 02 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Ngân hàng TMCP Kiên Long đã góp đủ vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 500.000.000.000 VND.

10. Tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa vật kiến trúc | Máy móc, thiết bị | Phương tiện vận chuyển | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Tài sản cố định khác | Cộng |
|--|-----------------------------|----------------------|------------------------------|---------------------------------|-------------------------|------------------|
| Nguyên giá | | | | | | |
| Số đầu năm | 729.020 | 74.349 | 135.205 | 131.698 | 22.838 | 1.093.110 |
| Mua trong kỳ | - | 1.934 | - | 328 | - | 2.262 |
| Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành | - | - | 7.940 | - | - | 7.940 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | (99) | - | - | - | (99) |
| Phân loại lại | - | 75 | - | (75) | - | - |
| Số cuối kỳ | 729.020 | 76.259 | 143.145 | 131.951 | 22.838 | 1.103.213 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 4.657 | 14.181 | 43.328 | 44.412 | 9.642 | 116.220 |
| Giá trị hao mòn | | | | | | |
| Số đầu năm | 189.340 | 42.624 | 93.775 | 100.965 | 14.148 | 440.852 |
| Khấu hao trong kỳ | 14.295 | 2.801 | 4.607 | 5.144 | 398 | 27.245 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | (86) | - | - | - | (86) |
| Số cuối kỳ | 203.635 | 45.339 | 98.382 | 106.109 | 14.546 | 468.011 |
| Giá trị còn lại | | | | | | |
| Số đầu năm | 539.680 | 31.725 | 41.430 | 30.733 | 8.690 | 652.258 |
| Số cuối kỳ | 525.385 | 30.920 | 44.763 | 25.842 | 8.292 | 635.202 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | | |
| Tạm thời chưa sử dụng | - | - | - | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý | - | - | - | - | - | - |

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

11. Tài sản cố định vô hình

| | Quyền sử dụng đất | Chương trình phần mềm máy tính | Tài sản cố định khác | Cộng |
|---------------------------------------|-------------------|--------------------------------|----------------------|----------------|
| Nguyên giá | | | | |
| Số đầu năm | 686.287 | 113.575 | 20.014 | 819.876 |
| Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành | - | 17.500 | - | 17.500 |
| Số cuối kỳ | 686.287 | 131.075 | 20.014 | 837.376 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | - | 51.637 | 7.781 | 59.418 |
| Giá trị hao mòn | | | | |
| Số đầu năm | 10.483 | 69.142 | 15.176 | 94.801 |
| Khấu hao trong kỳ | 920 | 7.058 | 915 | 8.893 |
| Số cuối kỳ | 11.403 | 76.200 | 16.091 | 103.694 |
| Giá trị còn lại | | | | |
| Số đầu năm | 675.804 | 44.433 | 4.838 | 725.075 |
| Số cuối kỳ | 674.884 | 54.875 | 3.923 | 733.682 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | |
| Tạm thời không sử dụng | - | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý | - | - | - | - |

12. Các khoản phải thu

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------------|------------------|
| Chi phí xây dựng cơ bản dở dang ⁽¹⁾ | 61.961 | 65.061 |
| Khoản phải thu Ngân hàng Nhà nước Việt Nam liên quan đến Chương trình Hỗ trợ lãi suất | 3.949 | 3.972 |
| Ký quỹ thuê văn phòng và tạm ứng hợp đồng | 58.511 | 40.771 |
| Tạm ứng để hoạt động nghiệp vụ | 8.513 | 8.820 |
| Tạm ứng nộp ngân sách Nhà nước | 30.000 | - |
| Thuế giá trị gia tăng đầu vào | 1.663 | - |
| Khoản phải thu từ nghiệp vụ thẻ tín dụng và Banknetvn | 1.019.798 | 856.385 |
| Phải thu khách hàng nghiệp vụ thư tín dụng | 3.000.000 | 4.020.291 |
| Ký quỹ tại các tổ chức thanh toán quốc tế | 34.327 | 34.136 |
| Phải thu khác | 70.590 | 82.957 |
| Cộng | 4.289.312 | 5.112.393 |

⁽¹⁾ Chi tiết các khoản tạm ứng mua sắm tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang như sau:

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|----------------------|---------------|---------------|
| Nhà cửa | 5.819 | 4.385 |
| Phần mềm máy vi tính | 56.142 | 60.676 |
| Cộng | 61.961 | 65.061 |

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

13. Các khoản lãi, phí phải thu

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-------------------|-------------------|
| Lãi phải thu từ tiền gửi | 22.804 | 17.426 |
| Lãi phải thu từ đầu tư chứng khoán | 128.053 | 130.675 |
| Lãi phải thu từ hoạt động tín dụng | 1.439.179 | 839.809 |
| Lãi phải thu từ các công cụ tài chính phải sinh | 1.203 | 3.443 |
| Phí phải thu | 213.060 | 106.140 |
| Cộng | 1.804.299 | 1.097.493 |

14. Tài sản có khác

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-------------------|-------------------|
| Chi phí chờ phân bổ | 120.557 | 97.470 |
| Công cụ và dụng cụ | 11.208 | 8.461 |
| Chi hộ các TCTD khác | 320 | 15.684 |
| Tài sản gán nợ đã chuyển quyền sở hữu cho Ngân hàng đang chờ xử lý | 120.924 | 114.869 |
| Tài sản có khác | 6.460 | 12.925 |
| Cộng | 259.469 | 249.409 |

15. Tiền gửi và vay Chính phủ, NHNN

Khoản vay tái chiết khấu trái phiếu với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam với lãi suất từ 6%/năm đến 7%/năm đã tất toán trong kỳ.

16. Tiền, vàng gửi và vay các TCTD khác

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-----------------------------------|-------------------|-------------------|
| Tiền gửi của các TCTD khác | 12.166.103 | 19.623.547 |
| Tiền gửi không kỳ hạn | 4.533.403 | 4.534.147 |
| <i>Bằng VND</i> | 4.533.403 | 4.534.147 |
| Tiền gửi có kỳ hạn | 7.632.700 | 15.089.400 |
| <i>Bằng VND</i> | 4.817.500 | 14.148.200 |
| <i>Bằng ngoại tệ</i> | 2.815.200 | 941.200 |
| Vay các TCTD khác | 3.008.349 | 4.023.352 |
| Vay các TCTD khác bằng VND | 3.007.601 | 4.022.601 |
| Vay các TCTD khác bằng ngoại tệ | 748 | 751 |
| Cộng | 15.174.452 | 23.646.899 |

17. Tiền gửi của khách hàng

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---------------------------------|-------------------|-------------------|
| Tiền gửi không kỳ hạn | 2.269.385 | 2.054.207 |
| <i>Bằng VND</i> | 2.257.995 | 2.043.241 |
| <i>Bằng ngoại tệ</i> | 11.390 | 10.966 |
| Tiền gửi có kỳ hạn | 2.374.492 | 2.195.200 |
| <i>Bằng VND</i> | 2.374.492 | 2.148.140 |
| <i>Bằng ngoại tệ</i> | - | 47.060 |
| Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn | 9.671 | 9.631 |
| <i>Bằng VND</i> | 6.023 | 6.550 |
| <i>Bằng ngoại tệ và vàng</i> | 3.648 | 3.081 |
| Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn | 56.806.510 | 48.240.973 |
| <i>Bằng VND</i> | 56.770.443 | 48.194.602 |
| <i>Bằng ngoại tệ và vàng</i> | 36.067 | 46.371 |

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|----------------------|--------------------------|--------------------------|
| Tiền ký quỹ | 9.319 | 21.552 |
| <i>Bằng VND</i> | 9.319 | 20.781 |
| <i>Bằng ngoại tệ</i> | - | 771 |
| Cộng | <u>61.469.377</u> | <u>52.521.563</u> |

Tiền gửi của khách hàng theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp như sau:

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|--------------------------|--------------------------|
| <i>Tiền gửi của tổ chức kinh tế</i> | <u>3.091.389</u> | <u>2.836.670</u> |
| Công ty cổ phần | 1.616.841 | 1.113.862 |
| Công ty trách nhiệm hữu hạn | 578.402 | 753.908 |
| Doanh nghiệp tư nhân | 1.357 | 4.549 |
| Các tổ chức khác | 894.789 | 964.351 |
| <i>Tiền gửi của cá nhân</i> | <u>58.377.988</u> | <u>49.684.893</u> |
| Cộng | <u>61.469.377</u> | <u>52.521.563</u> |

18. Phát hành giấy tờ có giá

Chúng chỉ tiền gửi có kỳ hạn từ 03 đến 84 tháng, trả lãi định kỳ 6 tháng hoặc cuối kỳ, lãi suất từ 9,3%/năm đến 9,5%/năm.

19. Các khoản lãi, phí phải trả

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-------------------------|-------------------------|
| Lãi phải trả cho tiền gửi | 1.679.395 | 983.469 |
| Lãi phải trả về phát hành các giấy tờ có giá | 23.458 | - |
| Lãi phải trả cho tiền vay | 201.488 | 89.995 |
| Lãi phải trả cho các công cụ tài chính phái sinh | 6.101 | 19.086 |
| Cộng | <u>1.910.442</u> | <u>1.092.550</u> |

20. Các khoản phải trả và công nợ khác

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-------------------------|-------------------------|
| Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước (xem thuyết minh số VIII.2) | 52.904 | 50.127 |
| Phải trả cho cán bộ, công nhân viên | 72.477 | - |
| Các khoản chờ thanh toán khác | 1.079.326 | 1.032.271 |
| Quỹ khen thưởng và phúc lợi ⁽ⁱ⁾ | 6.415 | 47.508 |
| Chuyển tiền phải trả | 26.498 | 1.500 |
| Tiền giữ hộ và đợi thanh toán | 21.146 | 26.818 |
| Phải trả khác | 162.274 | 33.059 |
| Cộng | <u>1.421.040</u> | <u>1.191.283</u> |

⁽ⁱ⁾ Chi tiết phát sinh quỹ khen thưởng và phúc lợi như sau:

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--------------------------------|--|----------------------|
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Số đầu năm | 47.508 | 9.790 |
| Tăng do trích lập từ lợi nhuận | - | 38.953 |
| Chi quỹ | (41.093) | (1.235) |
| Số cuối kỳ | <u>6.415</u> | <u>47.508</u> |

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

21. Vốn và quỹ của Ngân hàng

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

| | Vốn điều lệ | Cổ phiếu quỹ | Các quỹ của TCTD | Chênh lệch tỷ giá | Lợi nhuận chưa phân phối | Cộng |
|--|------------------|-----------------|------------------|-------------------|--------------------------|------------------|
| Số dư đầu năm trước | 3.652.819 | (34.200) | 267.530 | - | 769.953 | 4.656.102 |
| Lợi nhuận trong kỳ trước | - | - | - | - | 279.192 | 279.192 |
| Chênh lệch tỷ giá | - | - | - | (10.685) | - | (10.685) |
| Trích các quỹ dự trữ bắt buộc trong năm trước từ lợi nhuận sau thuế năm 2021 | - | - | 115.492 | - | (115.492) | - |
| Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi | - | - | - | - | (38.953) | (38.953) |
| Chuyển tiền trích lập quỹ cho Công ty con | - | - | - | - | (1.459) | (1.459) |
| Số dư cuối kỳ trước | <u>3.652.819</u> | <u>(34.200)</u> | <u>383.022</u> | <u>(10.685)</u> | <u>893.241</u> | <u>4.884.197</u> |
| Số dư đầu năm nay | 3.652.819 | (34.200) | 383.022 | - | 1.160.436 | 5.162.077 |
| Lợi nhuận trong kỳ này | - | - | - | - | 318.385 | 318.385 |
| Chênh lệch tỷ giá | - | - | - | 11.587 | - | 11.587 |
| Số dư cuối kỳ này | <u>3.652.819</u> | <u>(34.200)</u> | <u>383.022</u> | <u>11.587</u> | <u>1.478.821</u> | <u>5.492.049</u> |

Cổ phiếu

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|-------------|-------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 365.281.878 | 365.281.878 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 365.281.878 | 365.281.878 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 365.281.878 | 365.281.878 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | (3.800.000) | (3.800.000) |
| - Cổ phiếu phổ thông | (3.800.000) | (3.800.000) |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 361.481.878 | 361.481.878 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 361.481.878 | 361.481.878 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

22. Các quỹ của Ngân hàng

| | Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ | Quỹ dự phòng tài chính | Quỹ khác | Cộng |
|--|--------------------------------|------------------------|----------|----------------|
| Số dư đầu năm trước | 26.868 | 240.659 | 3 | 267.530 |
| Trích các quỹ dự trữ bắt buộc trong năm trước từ lợi nhuận sau thuế năm 2021 | 38.497 | 76.995 | - | 115.492 |
| Số dư cuối kỳ trước | <u>65.365</u> | <u>317.654</u> | <u>3</u> | <u>383.022</u> |
| Số dư đầu năm nay | 65.365 | 317.654 | 3 | 383.022 |
| Số dư cuối kỳ này | <u>65.365</u> | <u>317.654</u> | <u>3</u> | <u>383.022</u> |

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự**

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|----------------------------------|-----------------------------------|------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Thu lãi tiền gửi | 186.712 | 63.491 |
| Thu lãi cho vay | 3.768.157 | 2.168.459 |
| Thu lãi từ đầu tư chứng khoán nợ | 135.320 | 145.663 |
| Thu phí từ bảo lãnh | 9.145 | 2.696 |
| Thu khác từ hoạt động tín dụng | 2.919 | 1.871 |
| Cộng | 4.102.253 | 2.382.180 |

2. Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|------------------------------------|-----------------------------------|------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Trả lãi tiền gửi | 2.674.492 | 1.193.112 |
| Trả lãi tiền vay | 194.666 | 7.804 |
| Trả lãi phát hành giấy tờ có giá | 23.516 | 12.944 |
| Chi phí khác từ hoạt động tín dụng | 183.781 | 225.761 |
| Cộng | 3.076.455 | 1.439.621 |

3. Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|----------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| <i>Thu nhập từ hoạt động dịch vụ</i> | <i>205.593</i> | <i>155.387</i> |
| Thu từ dịch vụ thanh toán | 190.128 | 117.227 |
| Thu từ dịch vụ ngân quỹ | 176 | 430 |
| Thu từ kinh doanh và dịch vụ bảo hiểm | 11.166 | 30.241 |
| Thu khác | 4.123 | 7.489 |
| <i>Chi phí hoạt động dịch vụ</i> | <i>7.783</i> | <i>15.211</i> |
| Chi về dịch vụ thanh toán và ngân quỹ | 1.846 | 8.246 |
| Chi về dịch vụ tư vấn | 1.133 | 3.266 |
| Chi về dịch vụ khác | 4.804 | 3.699 |
| Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ | 197.810 | 140.176 |

4. Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|----------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| <i>Thu về hoạt động kinh doanh ngoại hối</i> | <i>127.256</i> | <i>208.722</i> |
| Thu từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay | 76.244 | 145.796 |
| Thu từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ | 51.012 | 62.926 |
| <i>Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối</i> | <i>108.812</i> | <i>164.619</i> |
| Chi về kinh doanh ngoại tệ giao ngay | 12.938 | 51.084 |
| Chi về các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ | 95.874 | 113.535 |
| Lãi/lỗ thuần từ kinh doanh ngoại hối | 18.444 | 44.103 |

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)**5. Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư**

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---|-----------------------------------|--------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư | 16.814 | 15.693 |
| Chi cho kinh doanh chứng khoán đầu tư | - | (6.473) |
| Trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư | (5) | (5) |
| Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư | 16.809 | 9.215 |

6. Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---------------------------------------|-----------------------------------|---------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Thu nhập từ hoạt động khác | 45.663 | 30.840 |
| Thu từ bán tài sản gán nợ | - | 2.115 |
| Thu hồi các khoản nợ đã xóa | 43.679 | 26.796 |
| Thu từ hoạt động kinh doanh khác | 1.984 | 1.929 |
| Chi phí hoạt động khác | 4.355 | 2.021 |
| Chi phí cho hoạt động công tác xã hội | 3.682 | 853 |
| Chi phí khác | 673 | 1.168 |
| Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác | 41.308 | 28.819 |

7. Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Lợi nhuận sau thuế Công ty con chuyển về Ngân hàng | - | 323 |
| Cộng | - | 323 |

8. Chi phí hoạt động

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---|-----------------------------------|----------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí | 10.187 | 7.265 |
| Chi phí cho nhân viên | 492.788 | 462.101 |
| <i>Trong đó:</i> | | |
| <i>Chi lương và phụ cấp</i> | <i>434.328</i> | <i>417.355</i> |
| <i>Các khoản chi đóng góp theo lương</i> | <i>31.791</i> | <i>24.982</i> |
| <i>Chi phí khác cho nhân viên</i> | <i>26.669</i> | <i>19.764</i> |
| Chi về tài sản | 87.412 | 86.995 |
| <i>Trong đó:</i> | | |
| <i>Chi phí khấu hao tài sản cố định</i> | <i>36.138</i> | <i>33.349</i> |
| <i>Chi phí thuê tài sản</i> | <i>32.230</i> | <i>32.299</i> |
| <i>Chi sửa chữa, bảo trì</i> | <i>13.015</i> | <i>15.777</i> |
| <i>Chi mua sắm công cụ lao động</i> | <i>5.678</i> | <i>5.475</i> |
| <i>Chi phí khác</i> | <i>351</i> | <i>95</i> |
| Chi phí hoạt động quản lý và công vụ | 176.990 | 83.330 |
| <i>Trong đó:</i> | | |
| <i>Chi phí quảng cáo tiếp thị, khuyến mại và vật liệu văn phòng</i> | <i>81.254</i> | <i>9.094</i> |
| <i>Công tác phí</i> | <i>6.896</i> | <i>3.130</i> |
| <i>Chi phí điện nước, vệ sinh cơ quan, xăng dầu</i> | <i>17.008</i> | <i>17.658</i> |
| <i>Chi phí thông tin liên lạc, nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ</i> | <i>26.562</i> | <i>19.598</i> |

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|----------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí đào tạo | 218 | 88 |
| Chi phí hội nghị, lễ tân, khánh tiết | 39.136 | 26.982 |
| Chi phí khác | 5.916 | 6.780 |
| Chi nộp phí bảo hiểm, bảo toàn tiền gửi của khách hàng | 37.064 | 28.861 |
| Cộng | 804.441 | 668.552 |

9. Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|----------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Trích lập dự phòng chung cho vay khách hàng | 12.860 | 11.377 |
| Trích lập dự phòng cụ thể cho vay khách hàng | 84.281 | 135.925 |
| Cộng | 97.141 | 147.302 |

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Thông tin về lãi cơ bản trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tiền và các khoản tương đương tiền

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|-------------------|-------------------|
| Tiền mặt và các khoản tương đương tiền tại quỹ | 692.075 | 742.817 |
| Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước | 6.600.866 | 1.347.927 |
| Tiền gửi và cho vay các TCTD khác có kỳ hạn trong vòng 3 tháng | 16.015.552 | 23.777.634 |
| Cộng | 23.308.493 | 25.868.378 |

VIII. THÔNG TIN KHÁC

1. Tình hình thu nhập của nhân viên

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--------------------------------------|-----------------------------------|----------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Số lượng nhân viên bình quân (người) | 3.443 | 3.244 |
| Thu nhập của nhân viên | | |
| Tổng quỹ lương | 377.717 | 334.595 |
| Tiền thưởng | 56.611 | 82.760 |
| Tổng thu nhập | 434.328 | 417.355 |
| Tiền lương bình quân/tháng | 18 | 17 |
| Thu nhập bình quân/tháng | 21 | 21 |

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

2. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước

| | Số đầu năm | Số phát sinh trong kỳ | | Số cuối kỳ |
|----------------------------|---------------|-----------------------|------------------|---------------|
| | Phải nộp | Số phải nộp | Số đã nộp | Phải nộp |
| Thuế GTGT | 14.015 | 21.301 | (33.711) | 1.605 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 31.615 | 80.202 | (64.529) | 47.288 |
| Các loại thuế khác | 4.497 | 29.633 | (30.119) | 4.011 |
| Cộng | 50.127 | 131.136 | (128.359) | 52.904 |

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế suất áp dụng cho hoạt động dịch vụ ngân hàng và thanh toán là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Ngân hàng phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được dự tính như sau:

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|---------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 398.587 | 349.341 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | | |
| Các khoản điều chỉnh tăng | 2.422 | 1.728 |
| Tổng thu nhập chịu thuế | 401.009 | 351.069 |
| Thu nhập miễn thuế | - | (323) |
| Thu nhập tính thuế | 401.009 | 350.746 |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 20% | 20% |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp | 80.202 | 70.149 |

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Ngân hàng được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các khoản thuế, lệ phí khác

Ngân hàng nộp theo các quy định hiện hành.

3. Loại hình và giá trị tài sản thế chấp của khách hàng

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|--------------------|-------------------|
| Bất động sản | 50.312.450 | 59.353.993 |
| Máy móc và thiết bị | 117.895 | 136.483 |
| Phương tiện vận tải | 934.502 | 1.112.611 |
| Cổ phiếu phát hành bởi TCTD khác | - | 240.663 |
| Cổ phiếu phát hành bởi tổ chức kinh tế | 8.371.839 | 8.911.065 |
| Sổ tiết kiệm | 12.808.390 | 11.729.433 |
| Tài sản khác | 34.324.803 | 14.815.501 |
| Cộng | 106.869.879 | 96.299.749 |

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

4. Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-------------------|-------------------|
| <i>Cam kết trong nghiệp vụ L/C</i> | 7.506 | 6.938 |
| Giá trị theo hợp đồng | 7.667 | 7.709 |
| Trừ: Tiền ký quỹ | (161) | (771) |
| <i>Bảo lãnh khác</i> | 305.800 | 257.326 |
| Giá trị theo hợp đồng | 308.347 | 281.212 |
| Trừ: Tiền ký quỹ | (2.547) | (23.886) |

5. Lãi cho vay và phí phải thu chưa thu được

Lãi cho vay chưa thu được.

6. Nợ khó đòi đã xử lý

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-------------------|-------------------|
| Nợ gốc của khoản nợ đã xử lý rủi ro đang trong thời gian theo dõi | 495.044 | 419.018 |
| Nợ lãi của khoản nợ đã xử lý rủi ro đang trong thời gian theo dõi | 1.138.411 | 1.125.268 |
| Cộng | 1.633.455 | 1.544.286 |

7. Tài sản và chứng từ khác

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-------------------|-------------------|
| Tài sản khác giữ hộ | 13.120.763 | 15.497.812 |
| Các chứng từ có giá trị khác đang bảo quản | 927.384 | 923.289 |
| Cộng | 14.048.147 | 16.421.101 |

8. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan với Ngân hàng bao gồm: công ty con, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Ngân hàng và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Ngân hàng và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập thuần của các thành viên quản lý chủ chốt (Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng) trong kỳ này là 23.850 triệu VND (kỳ trước là 19.093 triệu VND).

Các nghiệp vụ phát sinh giữa Ngân hàng với các bên liên quan như sau:

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|--|------------------|
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| <i>Công ty con</i> | | |
| Chi phí lãi tiền gửi | 14.605 | 6.351 |
| Chi phí thuê văn phòng | 6.440 | 4.997 |
| Chi phí thẩm định tài sản | 2.967 | 2.428 |
| Tiền chuyển công ty con để trích lập các quỹ | - | 1.459 |
| Lợi nhuận sau thuế của Công ty con chuyển về | - | 323 |
| <i>Thành viên Hội đồng quản trị</i> | | |
| Chi phí lãi tiền gửi | 95 | 65 |
| Thù lao | 10.016 | 8.689 |
| <i>Thành viên Ban Tổng Giám đốc</i> | | |
| Chi phí lãi tiền gửi | 4 | 11 |
| Tiền lương và thưởng | 10.280 | 7.310 |

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---|--|-------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Thành viên Ban kiểm soát | | |
| Thù lao | 3.554 | 3.094 |
| Các công ty và cá nhân có liên quan đến thành viên Hội đồng quản trị | | |
| Chi phí lãi tiền gửi | 16 | 9.030 |
| Các công ty và cá nhân có liên quan đến thành viên Ban Tổng Giám đốc | | |
| Chi phí lãi tiền gửi | 54 | 6.132 |
| Các công ty và cá nhân có liên quan đến thành viên Ban kiểm soát | | |
| Chi phí lãi tiền gửi | 16 | 34 |
| Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan như sau: | | |
| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
| Công ty con | | |
| Đặt cọc thuê văn phòng | 1.980 | 1.980 |
| Thành viên Hội đồng quản trị | | |
| Cho vay | - | 27 |
| Thành viên Ban Tổng Giám đốc | | |
| Cho vay | 206 | 298 |
| Các công ty và cá nhân có liên quan đến thành viên Hội đồng quản trị | | |
| Cho vay | 152 | 53.373 |
| Các công ty và cá nhân có liên quan đến thành viên Ban Tổng Giám đốc | | |
| Cho vay | - | 815 |
| Các công ty và cá nhân có liên quan đến thành viên Ban kiểm soát | | |
| Cho vay | - | 225 |
| Cộng nợ phải thu | 2.338 | 56.718 |
| Công ty con | | |
| Tiền gửi từ công ty con | 324.973 | 325.692 |
| Lãi phải trả | 9.905 | 5.092 |
| Thành viên Hội đồng quản trị | | |
| Tiền gửi | 4.818 | 1.848 |
| Lãi phải trả | 171 | 6 |
| Thành viên Ban Tổng Giám đốc | | |
| Tiền gửi | 368 | 4.738 |
| Lãi phải trả | 2 | 5 |
| Thành viên Ban kiểm soát | | |
| Tiền gửi | 442 | 243 |

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|----------------|----------------|
| Các công ty và cá nhân có liên quan đến thành viên Hội đồng quản trị | | |
| Tiền gửi | 971 | 47.876 |
| Lãi phải trả | 20 | 54 |
| Các công ty và cá nhân có liên quan đến thành viên Ban Tổng Giám đốc | | |
| Tiền gửi | 7.515 | 164.291 |
| Lãi phải trả | 79 | 274 |
| Các công ty và cá nhân có liên quan đến thành viên Ban kiểm soát | | |
| Tiền gửi | 1.238 | 1.408 |
| Lãi phải trả | 36 | 19 |
| Cộng nợ phải trả | 350.538 | 551.546 |

9. Mức độ tập trung theo khu vực địa lý của các tài sản, công nợ và các khoản mục ngoại bảng

| | Tổng dư nợ tiền gửi cho vay | Tổng tiền gửi và tiền vay | Phát hành giấy tờ có giá | Các cam kết tín dụng | Chứng khoán kinh doanh | Chứng khoán đầu tư |
|------------|-----------------------------|---------------------------|--------------------------|----------------------|------------------------|--------------------|
| Số cuối kỳ | 70.373.985 | 76.643.829 | 1.246.950 | 316.014 | 411.365 | 7.620.568 |
| Trong nước | 70.373.985 | 76.643.829 | 1.246.950 | 316.014 | 411.365 | 7.620.568 |
| Nước ngoài | - | - | - | - | - | - |
| Số đầu năm | 69.828.156 | 78.620.286 | - | 288.921 | 144.176 | 7.590.841 |
| Trong nước | 69.828.156 | 78.620.286 | - | 288.921 | 144.176 | 7.590.841 |
| Nước ngoài | - | - | - | - | - | - |

IX. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

1. Tổng quan

Hoạt động của Ngân hàng phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm tổng thể về việc hướng dẫn, giám sát nhận định về rủi ro và đảm bảo duy trì một nền văn hóa quản lý rủi ro và tuân thủ hiệu quả. Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm trong việc xây dựng các mục tiêu và các nguyên tắc cơ bản về quản lý rủi ro tài chính cho Ngân hàng, bao gồm việc thiết lập các chính sách chi tiết như nhận diện và đo lường rủi ro, các hạn mức rủi ro và các quy định về phòng ngừa rủi ro. Việc quản lý rủi ro được thực hiện bởi các phòng, ban, trung tâm có liên quan theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Phòng Quản lý rủi ro của Ngân hàng thực hiện công tác quản lý rủi ro hàng ngày tại Ngân hàng dưới sự chỉ đạo của Ban Tổng Giám đốc. Cùng với các phòng ban khác, trung tâm khai thác, Phòng Quản lý rủi ro chịu trách nhiệm phát triển hệ thống quản lý rủi ro, các công cụ và phương pháp luận để xác định, đo lường, theo dõi, kiểm soát và đánh giá rủi ro.

Ngoài ra, Phòng Kiểm toán nội bộ của Ngân hàng chịu trách nhiệm soát xét độc lập việc quản lý rủi ro và môi trường kiểm soát của Ngân hàng.

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro khi bên đối tác của Ngân hàng không thực hiện trách nhiệm của mình gây ra tổn thất cho Ngân hàng. Rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ hoạt động cho vay hình thành nợ và các khoản tạm ứng.

Các chính sách quản lý và giảm thiểu rủi ro tín dụng

Để quản lý rủi ro tín dụng Ngân hàng sử dụng các công cụ như: xây dựng chính sách và ban hành các quy định liên quan công tác quản lý rủi ro tín dụng; xây dựng các quy trình tín dụng; xếp hạng tín dụng; quy định về hạn mức tín dụng; thực hiện rà soát rủi ro tín dụng; xây dựng hệ thống xếp hạng tín dụng và phân loại nợ; phân cấp thẩm quyền trong hoạt động tín dụng.

Ngân hàng quản lý rủi ro tín dụng thông qua việc xây dựng hạn mức cho vay đối với mỗi khách hàng hay một nhóm khách hàng theo quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Ngoài ra, việc quản lý rủi ro tín dụng còn được thực hiện thông qua phân tích khả năng khách hàng hay khách hàng tiềm năng có thể thanh toán gốc và lãi.

Mức độ tập trung rủi ro của tài sản tài chính có rủi ro tín dụng

Các tài sản tài chính phi phái sinh phân loại theo khu vực địa lý được trình bày tại thuyết minh số X.

Tổng mức tối đa có rủi ro tín dụng chưa tính đến tài sản thế chấp hoặc các biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính trên Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ cũng như trên các tài khoản ngoại bảng của các công cụ tài chính mà chưa tính đến tài sản thế chấp hoặc các biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng khác.

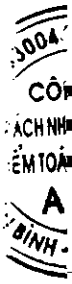
Bảng dưới đây trình bày mức rủi ro tín dụng tối đa của Ngân hàng:

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|-------------------|-------------------|
| Mức rủi ro tín dụng của các tài khoản thuộc Báo cáo tình hình tài chính riêng | | |
| Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước | 6.600.866 | 1.347.927 |
| Tiền gửi và cho vay tại các TCTD khác | 16.015.552 | 23.777.634 |
| Chứng khoán kinh doanh – gộp | 411.365 | 144.176 |
| Cho vay khách hàng – gộp | 47.757.567 | 44.702.595 |
| Chứng khoán đầu tư – gộp | 7.620.568 | 7.590.841 |
| Các khoản lãi, phí phải thu | 1.804.299 | 1.097.493 |
| Các tài sản tài chính khác – gộp | 4.128.664 | 4.997.741 |
| Cộng | 84.338.881 | 83.658.407 |
| Mức độ rủi ro tín dụng của các tài khoản ngoại bảng | | |
| Cam kết trong nghiệp vụ L/C – gộp | 7.667 | 7.709 |
| Bảo lãnh khác – gộp | 308.347 | 281.212 |
| Cộng | 316.014 | 288.921 |

3. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Ngân hàng sẽ đối mặt với khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ tài chính.

Chiến lược của Ngân hàng trong quản lý rủi ro thanh khoản là Ban Tổng Giám đốc thiết lập giới hạn về mức tối thiểu các khoản vốn đến hạn có thể dùng để đáp ứng những yêu cầu rút vốn này và mức tối thiểu các khoản vay liên ngân hàng, các khoản vay để đáp ứng những nhu cầu rút vốn ngoài dự kiến.



NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Hoạt động trong lĩnh vực rất nhạy cảm trước các biến động của thị trường, các tin đồn thất thiệt có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh. Ngân hàng đang thực hiện các biện pháp nhằm kiểm soát rủi ro về thanh khoản như sau:

- Thực hiện duy trì các tỷ lệ đảm bảo khả năng thanh khoản, bảo hiểm tiền gửi theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Quản lý nguồn vốn tập trung, đảm bảo khả năng thanh khoản cho ngân hàng thông qua việc nghiên cứu, phân tích độ lệch kỳ hạn; dự đoán thời hạn, trị giá các khoản chi chủ yếu ảnh hưởng đến luồng tiền vào ra, từ đó đưa ra các chỉ số giới hạn, các danh mục đầu tư hợp lý và có tính thanh khoản cao có thể chuyển đổi thành tiền mặt đáp ứng nhu cầu rút tiền theo định kỳ hoặc đột xuất của khách hàng;
- Luôn theo dõi, phân tích, đánh giá và có trách nhiệm chủ động công bố thông tin nhằm giúp khách hàng hiểu rõ mọi hoạt động của Ngân hàng.

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Bảng dưới đây tóm tắt các khoản tài sản và nợ của Ngân hàng theo nhóm kỳ hạn tính từ ngày 30 tháng 6 năm 2023 đến ngày đáo hạn:

| | Quá hạn | | Trong hạn | | | | | Cộng |
|---|----------------|----------------|-------------------|-------------------|---------------------|-------------------|-------------------|-------------------|
| | Trên 3 tháng | Đến 3 tháng | Đến 1 tháng | Từ 1 - 3 tháng | Từ 3 - 12 tháng | Từ 1 - 5 năm | Trên 5 năm | |
| Tài sản | | | | | | | | |
| Tiền mặt, vàng bạc, đá quý | - | - | 692.075 | - | - | - | - | 692.075 |
| Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước | - | - | 6.600.866 | - | - | - | - | 6.600.866 |
| Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác (*) | - | - | 9.262.852 | 4.254.200 | 2.498.500 | - | - | 16.015.552 |
| Chứng khoán kinh doanh (*) | - | - | - | - | 411.365 | - | - | 411.365 |
| Công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác (*) | - | - | 6.715 | - | - | - | - | 6.715 |
| Cho vay khách hàng (*) | 789.737 | 645.191 | 3.201.585 | 4.110.188 | 23.935.252 | 10.886.361 | 4.189.253 | 47.757.567 |
| Chứng khoán đầu tư (*) | - | - | 140.176 | 400.930 | - | 796.243 | 6.283.219 | 7.620.568 |
| Góp vốn, đầu tư dài hạn (*) | - | - | - | - | - | - | 500.000 | 500.000 |
| Tài sản cố định và bất động sản đầu tư | - | - | 605.923 | 198 | 1.328 | 74.814 | 686.621 | 1.368.884 |
| Các tài sản có khác (*) | 54.084 | - | 1.804.299 | 4.494.697 | - | - | - | 6.353.080 |
| Tổng tài sản | 843.821 | 645.191 | 22.314.491 | 13.260.213 | 26.846.445 | 11.757.418 | 11.659.093 | 87.326.672 |
| Nợ phải trả | | | | | | | | |
| Tiền gửi và vay NHNN và các TCTD khác | - | - | 8.411.803 | 4.254.300 | 2.500.000 | 7.601 | 748 | 15.174.452 |
| Tiền gửi của khách hàng | - | - | 10.289.782 | 9.480.194 | 40.325.313 | 1.373.133 | 955 | 61.469.377 |
| Phát hành giấy tờ có giá | - | - | - | 266.200 | 230.800 | - | 749.950 | 1.246.950 |
| Các khoản nợ khác | - | - | 3.331.482 | - | - | - | - | 3.331.482 |
| Tổng nợ phải trả | - | - | 22.033.067 | 14.000.694 | 43.056.113 | 1.380.734 | 751.653 | 81.222.261 |
| Chênh lệch thanh khoản ròng | 843.821 | 645.191 | 281.424 | (740.481) | (16.209.668) | 10.376.684 | 10.907.440 | 6.104.411 |

(*) Các khoản mục này không tính đến dự phòng rủi ro.

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Bảng dưới đây tóm tắt các khoản tài sản và nợ của Ngân hàng theo nhóm kỳ hạn tính từ ngày 31 tháng 12 năm 2022 đến ngày đáo hạn:

| | Quá hạn | | Trong hạn | | | | | Cộng |
|---|----------------|----------------|--------------------|------------------|---------------------|-------------------|-------------------|-------------------|
| | Trên 3 tháng | Đến 3 tháng | Đến 1 tháng | Từ 1 - 3 tháng | Từ 3 - 12 tháng | Từ 1 - 5 năm | Trên 5 năm | |
| Tài sản | | | | | | | | |
| Tiền mặt, vàng bạc, đá quý | - | - | 742.817 | - | - | - | - | 742.817 |
| Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước | - | - | 1.347.927 | - | - | - | - | 1.347.927 |
| Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác (*) | - | - | 19.779.134 | - | 3.998.500 | - | - | 23.777.634 |
| Chứng khoán kinh doanh (*) | - | - | - | - | 144.176 | - | - | 144.176 |
| Công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác (*) | - | - | 38.707 | - | - | - | - | 38.707 |
| Cho vay khách hàng (*) | 845.015 | 355.793 | 3.226.331 | 4.368.835 | 21.185.103 | 9.134.707 | 5.586.811 | 44.702.595 |
| Chứng khoán đầu tư (*) | - | - | - | - | 397.800 | 795.602 | 6.397.439 | 7.590.841 |
| Góp vốn, đầu tư dài hạn (*) | - | - | - | - | - | - | 500.000 | 500.000 |
| Tài sản cố định và bất động sản đầu tư | - | - | 606.011 | 259 | 2.437 | 82.939 | 685.687 | 1.377.333 |
| Các tài sản có khác (*) | 54.483 | - | 1.097.493 | 5.307.319 | - | - | - | 6.459.295 |
| Tổng tài sản | 899.498 | 355.793 | 26.838.420 | 9.676.413 | 25.728.016 | 10.013.248 | 13.169.937 | 86.681.325 |
| Nợ phải trả | | | | | | | | |
| Tiền gửi và vay NHNN và các TCTD khác | - | - | 20.928.133 | 1.156.625 | 4.005.613 | 7.601 | 751 | 26.098.723 |
| Tiền gửi của khách hàng | - | - | 7.892.580 | 7.714.529 | 34.518.852 | 2.394.231 | 1.371 | 52.521.563 |
| Các khoản nợ khác | - | - | 2.283.833 | - | - | - | - | 2.283.833 |
| Tổng nợ phải trả | - | - | 31.104.546 | 8.871.154 | 38.524.465 | 2.401.832 | 2.122 | 80.904.119 |
| Chênh lệch thanh khoản ròng | 899.498 | 355.793 | (4.266.126) | 805.259 | (12.796.449) | 7.611.416 | 13.167.815 | 5.777.206 |

(*) Các khoản mục này không tính đến dự phòng rủi ro.



NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

4. Rủi ro thị trường

Ngân hàng chịu rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị của dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động do sự biến động giá trên thị trường. Rủi ro thị trường phát sinh từ trạng thái mở của lãi suất và tiền tệ chịu tác động từ biến động trên thị trường nói chung và từng loại thị trường nói riêng và sự thay đổi mức độ biến động của giá thị trường như: lãi suất, tín dụng, tỷ giá hối đoái.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Ngân hàng gồm: rủi ro tiền tệ và rủi ro lãi suất.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà dòng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính bị biến động do tác động của các thay đổi về lãi suất của thị trường. Ngân hàng quản lý rủi ro lãi suất thông qua việc kiểm soát mức chênh lệch lãi suất theo kỳ hạn hàng tháng.

Ngân hàng đo lường bằng cách phân tích độ nhạy cảm của lãi suất, tức là phân loại trái phiếu và các chứng từ khác về mức độ rủi ro thị trường phân ra theo loại tiền, ngày đến hạn,...

Để có thể kiểm soát rủi ro về lãi suất, Ngân hàng đã và đang áp dụng chính sách quản lý rủi ro lãi suất trên cơ sở hệ thống báo cáo ALCO nhằm phân tích mức chênh lệch tài sản nợ - tài sản có nhạy cảm với lãi suất trong từng khung kỳ hạn, tính toán Duration Gap của tài sản nợ - tài sản có, lãi suất của các khoản mục nguồn vốn và tài sản, từ đó đưa ra các biện pháp xử lý, cụ thể:

- Thực hiện cho vay với lãi suất thả nổi, điều này có thể cho phép Ngân hàng có thể linh hoạt mức lãi suất cho vay phù hợp với biến động của thị trường;
- Duy trì chênh lệch lãi suất giữa đầu vào, đầu ra một cách hợp lý, tuân thủ quy định về an toàn vốn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Bảng dưới đây tóm tắt rủi ro lãi suất của Ngân hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2023:

| | Quá hạn | Không chịu lãi | Dưới 1 tháng | Từ 1 – 3 tháng | Từ 3 – 6 tháng | Từ 6 – 12 tháng | Từ 1 – 5 năm | Trên 5 năm | Cộng |
|---|------------------|------------------|-------------------|--------------------|---------------------|--------------------|-------------------|-------------------|-------------------|
| Tài sản | | | | | | | | | |
| Tiền mặt vàng bạc, đá quý | - | 692.075 | - | - | - | - | - | - | 692.075 |
| Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước | - | - | 6.600.866 | - | - | - | - | - | 6.600.866 |
| Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác (*) | - | - | 9.262.852 | 4.254.200 | 2.498.500 | - | - | - | 16.015.552 |
| Chứng khoán kinh doanh (*) | - | - | - | - | - | 411.365 | - | - | 411.365 |
| Công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác (*) | - | - | 6.715 | - | - | - | - | - | 6.715 |
| Cho vay khách hàng (*) | 1.434.928 | - | 3.201.585 | 4.110.188 | 9.922.686 | 14.012.565 | 10.886.361 | 4.189.254 | 47.757.567 |
| Chứng khoán đầu tư (*) | - | - | 140.176 | 400.930 | - | - | 796.243 | 6.283.219 | 7.620.568 |
| Góp vốn, đầu tư dài hạn (*) | - | 500.000 | - | - | - | - | - | - | 500.000 |
| Tài sản cố định và bất động sản đầu tư | - | 1.368.884 | - | - | - | - | - | - | 1.368.884 |
| Các tài sản có khác (*) | 54.084 | 6.298.996 | - | - | - | - | - | - | 6.353.080 |
| Tổng tài sản | 1.489.012 | 8.859.955 | 19.212.194 | 8.765.318 | 12.421.186 | 14.423.930 | 11.682.604 | 10.472.473 | 87.326.672 |
| Nợ phải trả | | | | | | | | | |
| Tiền gửi và vay NHNN và các TCTD khác | - | - | 8.411.803 | 4.254.300 | 2.500.000 | - | 7.601 | 748 | 15.174.452 |
| Tiền gửi của khách hàng | - | - | 10.289.782 | 9.480.194 | 22.086.658 | 18.238.655 | 1.373.133 | 955 | 61.469.377 |
| Phát hành giấy tờ có giá | - | - | - | 266.200 | - | 230.800 | - | 749.950 | 1.246.950 |
| Các khoản nợ khác | - | 3.331.482 | - | - | - | - | - | - | 3.331.482 |
| Tổng nợ phải trả | - | 3.331.482 | 18.701.585 | 14.000.694 | 24.586.658 | 18.469.455 | 1.380.734 | 751.653 | 81.222.261 |
| Mức chênh lệch cảm với lãi suất - nội bảng | 1.489.012 | 5.528.473 | 510.609 | (5.235.376) | (12.165.472) | (4.045.525) | 10.301.870 | 9.720.820 | 6.104.411 |

(*) Các khoản mục này không tính đến dự phòng rủi ro.

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Bảng dưới đây tóm tắt rủi ro lãi suất của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022:

| | Quá hạn | Không chịu lãi | Dưới 1 tháng | Từ 1 – 3 tháng | Từ 3 – 6 tháng | Từ 6 – 12 tháng | Từ 1 – 5 năm | Trên 5 năm | Cộng |
|---|------------------|-------------------|--------------------|--------------------|---------------------|--------------------|------------------|-------------------|-------------------|
| Tài sản | | | | | | | | | |
| Tiền mặt vàng bạc, đá quý | - | - | 742.817 | - | - | - | - | - | 742.817 |
| Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước | - | - | 1.347.927 | - | - | - | - | - | 1.347.927 |
| Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác (*) | - | - | 19.779.134 | - | 1.000.000 | 2.998.500 | - | - | 23.777.634 |
| Chứng khoán kinh doanh (*) | - | - | - | - | - | 144.176 | - | - | 144.176 |
| Công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác (*) | - | - | 38.707 | - | - | - | - | - | 38.707 |
| Cho vay khách hàng (*) | 1.200.808 | - | 3.226.331 | 4.368.835 | 4.818.056 | 16.367.047 | 9.134.707 | 5.586.811 | 44.702.595 |
| Chứng khoán đầu tư (*) | - | - | - | - | - | 397.800 | 795.602 | 6.397.439 | 7.590.841 |
| Góp vốn, đầu tư dài hạn (*) | - | 500.000 | - | - | - | - | - | - | 500.000 |
| Tài sản cố định và bất động sản đầu tư | - | 1.377.333 | - | - | - | - | - | - | 1.377.333 |
| Các tài sản có khác (*) | 54.483 | 6.404.812 | - | - | - | - | - | - | 6.459.295 |
| Tổng tài sản | 1.255.291 | 8.282.145 | 25.134.916 | 4.368.835 | 5.818.056 | 19.907.523 | 9.930.309 | 11.984.250 | 86.681.325 |
| Nợ phải trả | | | | | | | | | |
| Tiền gửi và vay NHNN và các TCTD khác | - | - | 20.928.133 | 1.156.625 | 1.005.613 | 3.000.000 | 7.601 | 751 | 26.098.723 |
| Tiền gửi của khách hàng | - | - | 7.892.580 | 7.714.529 | 20.139.778 | 14.379.074 | 2.394.231 | 1.371 | 52.521.563 |
| Các khoản nợ khác | - | 2.283.833 | - | - | - | - | - | - | 2.283.833 |
| Tổng nợ phải trả | - | 2.283.833 | 28.820.713 | 8.871.154 | 21.145.391 | 17.379.074 | 2.401.832 | 2.122 | 80.904.119 |
| Mức chênh lệch cảm với lãi suất - nội bảng | 1.255.291 | 5.998.312 | (3.685.797) | (4.502.319) | (15.327.335) | 2.528.449 | 7.528.477 | 11.982.128 | 5.777.206 |

(*) Các khoản mục này không tính đến dự phòng rủi ro.

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá. Ngân hàng được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là VND. Đồng tiền giao dịch chính của Ngân hàng cũng là VND. Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Ngân hàng chủ yếu bằng VND, một phần bằng USD, EUR và các ngoại tệ khác.

Chiến lược của Ngân hàng trong quản lý rủi ro tiền tệ là đưa ra một hệ thống hạn mức để quản lý trạng thái của các đồng tiền. Trạng thái đồng tiền được quản lý trên cơ sở hàng ngày và chiến lược phòng ngừa rủi ro được Ngân hàng sử dụng để đảm bảo rằng trạng thái của các đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập. Ngoài ra, Ngân hàng còn sử dụng các công cụ khác như: tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND.

Để giảm thiểu rủi ro về tiền tệ, Ngân hàng đã xây dựng và thực hiện chính sách quản lý rủi ro về ngoại hối như sau:

- Tuân thủ các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Thiết lập và quản lý hạn mức trạng thái ngoại hối mở;
- Kiểm soát rủi ro thông qua các quy định tách bạch chức năng của các bộ phận, quy định về phân quyền, hạn mức giao dịch, hạn mức dừng lỗ;
- Đa dạng hóa các sản phẩm phái sinh.

Mọi giao dịch nội, ngoại bảng đều được tính ngay vào trạng thái ngoại tệ ngay khi phát sinh.

Bảng dưới đây tóm tắt rủi ro hối đoái của Ngân hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2023. Bảng trình bày các tài sản và nợ của Ngân hàng theo giá trị ghi sổ và theo loại tiền tệ.

| | USD được quy đổi | EUR được quy đổi | Tiền tệ khác quy đổi | Cộng |
|---|------------------|------------------|----------------------|------------------|
| Tài sản | | | | |
| Tiền mặt, vàng bạc, đá quý | 32.043 | 1.684 | 989 | 34.716 |
| Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước | 27.148 | - | - | 27.148 |
| Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác (*) | 2.904.460 | 3.098 | 8.369 | 2.915.927 |
| Các công cụ tài chính phát sinh và các tài sản tài chính khác (*) | (251.345) | - | - | (251.345) |
| Cho vay khách hàng (*) | 172.608 | - | - | 172.608 |
| Tổng tài sản | 2.884.914 | 4.782 | 9.358 | 2.899.054 |
| Nợ phải trả và vốn chủ sở hữu | | | | |
| Tiền gửi và vay các TCTD khác | 2.815.948 | - | - | 2.815.948 |
| Tiền gửi của khách hàng | 50.571 | 498 | 36 | 51.105 |
| Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu | 2.866.519 | 498 | 36 | 2.867.053 |
| Trạng thái tiền tệ nội bảng | 18.395 | 4.284 | 9.322 | 32.001 |
| Trạng thái tiền tệ ngoại bảng | - | - | - | - |
| Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bảng | 18.395 | 4.284 | 9.322 | 32.001 |

(*) Các khoản mục này không tính đến dự phòng rủi ro.

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Bảng dưới đây tóm tắt rủi ro hối đoái của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022. Bảng trình bày các tài sản và nợ của Ngân hàng theo giá trị ghi sổ và theo loại tiền tệ.

| | USD được quy đổi | EUR được quy đổi | Tiền tệ khác quy đổi | Cộng |
|---|--------------------|------------------|----------------------|--------------------|
| Tài sản | | | | |
| Tiền mặt, vàng bạc, đá quý | 35.279 | 3.640 | 2.730 | 41.649 |
| Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước | 6.499 | - | - | 6.499 |
| Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác (*) | 1.096.267 | 4.733 | 8.408 | 1.109.408 |
| Các công cụ tài chính phát sinh và các tài sản tài chính khác (*) | (3.042.069) | - | - | (3.042.069) |
| Cho vay khách hàng (*) | 138.838 | - | - | 138.838 |
| Tổng tài sản | (1.765.186) | 8.373 | 11.138 | (1.745.675) |
| Nợ phải trả và vốn chủ sở hữu | | | | |
| Tiền gửi và vay các TCTD khác | 941.951 | - | - | 941.951 |
| Tiền gửi của khách hàng | 106.512 | 1.642 | 95 | 108.249 |
| Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu | 1.048.463 | 1.642 | 95 | 1.050.200 |
| Trạng thái tiền tệ nội bảng | (2.813.649) | 6.731 | 11.043 | (2.795.875) |
| Trạng thái tiền tệ ngoại bảng | - | - | - | - |
| Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bảng | (2.813.649) | 6.731 | 11.043 | (2.795.875) |

(*) Các khoản mục này không tính đến dự phòng rủi ro.

5. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Ngân hàng đang thế chấp các giấy tờ có giá tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam với giá trị 75.000 triệu VND (số đầu năm là 3.616.000 triệu VND) (xem thuyết minh số V.8).

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Chi tiết tài sản nhận thế chấp được trình bày tại thuyết minh số VIII.3. Ngân hàng chưa xác định được đầy đủ giá trị hợp lý của các tài sản thế chấp này do chưa có các hướng dẫn cụ thể cũng như chưa có các thông tin thị trường cần thiết.

6. Tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|---|-------------------|------------------|-------------------|------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Tiền mặt, vàng bạc, đá quý | 692.075 | - | 742.817 | - |
| Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước | 6.600.866 | - | 1.347.927 | - |
| Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác | 16.015.552 | - | 23.777.634 | - |
| Chứng khoán kinh doanh | 411.365 | - | 144.176 | - |
| Công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác | 6.715 | - | 38.707 | - |
| Cho vay khách hàng | 47.757.567 | (577.087) | 44.702.595 | (579.859) |
| Chứng khoán đầu tư | 7.620.568 | (5.971) | 7.590.841 | (5.966) |
| Các khoản lãi, phí phải thu | 1.804.299 | - | 1.097.493 | - |
| Các tài sản có khác | 4.548.781 | (29.304) | 5.361.802 | (29.304) |
| Cộng | 85.457.788 | (612.362) | 84.803.992 | (615.129) |

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

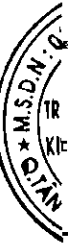
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Tiền gửi và vay các TCTD khác | 15.174.452 | 26.098.723 |
| Tiền gửi của khách hàng | 61.469.377 | 52.521.563 |
| Phát hành giấy tờ có giá | 1.246.950 | - |
| Các khoản lãi, phí phải trả | 1.910.442 | 1.092.550 |
| Các khoản nợ khác | 1.289.244 | 1.093.648 |
| Cộng | <u>81.090.465</u> | <u>80.806.484</u> |

Giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa xác định được vì Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán của các TCTD Việt Nam và các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.



NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

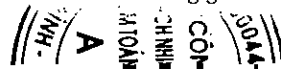
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

X. BÁO CÁO BỘ PHẬN

1. Báo cáo bộ phận chính yếu

Thông tin về kết quả hoạt động của bộ phận chính yếu theo khu vực địa lý của Ngân hàng như sau:

| | Miền Bắc | | Miền Trung | | Miền Nam | | Điều chỉnh | | Cộng | |
|---|----------------|----------------|----------------|----------------|------------------|------------------|------------------|------------------|------------------|------------------|
| | Kỳ này | Kỳ trước | Kỳ này | Kỳ trước | Kỳ này | Kỳ trước | Kỳ này | Kỳ trước | Kỳ này | Kỳ trước |
| I. Thu nhập | 854.963 | 429.856 | 628.195 | 400.424 | 3.478.245 | 2.642.411 | (463.824) | (679.546) | 4.497.579 | 2.793.145 |
| 1. Thu nhập lãi | 674.032 | 408.533 | 620.673 | 372.299 | 3.271.372 | 2.280.894 | (463.824) | (679.546) | 4.102.253 | 2.382.180 |
| 2. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ | 179.212 | 16.203 | 3.017 | 25.753 | 23.364 | 113.431 | - | - | 205.593 | 155.387 |
| 3. Thu nhập từ hoạt động kinh doanh khác | 1.719 | 5.120 | 4.505 | 2.372 | 183.509 | 248.086 | - | - | 189.733 | 255.578 |
| II. Chi phí | 551.258 | 251.344 | 590.396 | 316.217 | 3.324.021 | 2.408.487 | (463.824) | (679.546) | 4.001.851 | 2.296.502 |
| 1. Chi phí lãi | 495.596 | 204.824 | 495.947 | 226.820 | 2.548.736 | 1.687.523 | (463.824) | (679.546) | 3.076.455 | 1.439.621 |
| 2. Chi phí khấu hao TSCĐ | 397 | 475 | 3.879 | 4.041 | 31.862 | 28.833 | - | - | 36.138 | 33.349 |
| 3. Chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh | 55.265 | 46.045 | 90.570 | 85.356 | 743.423 | 692.131 | - | - | 889.258 | 823.532 |
| Kết quả kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro | 303.705 | 178.512 | 37.799 | 84.207 | 154.224 | 233.924 | - | - | 495.728 | 496.643 |
| Chi phí dự phòng rủi ro | 23.159 | 31.284 | 45.815 | 11.483 | 28.167 | 104.535 | - | - | 97.141 | 147.302 |
| Kết quả kinh doanh bộ phận | 280.546 | 147.228 | (8.016) | 72.724 | 126.057 | 129.389 | - | - | 398.587 | 349.341 |



NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

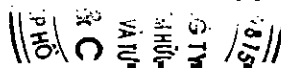
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận chính yếu theo khu vực địa lý của Ngân hàng như sau:

| | Miền Bắc | | Miền Trung | | Miền Nam | | Điều chỉnh | | Cộng | |
|-------------------------------------|------------------|------------------|-------------------|------------------|-------------------|-------------------|------------|------------|-------------------|-------------------|
| | Số cuối kỳ | Số đầu năm | Số cuối kỳ | Số đầu năm | Số cuối kỳ | Số đầu năm | Số cuối kỳ | Số đầu năm | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
| I. Tài sản | 8.237.611 | 6.576.196 | 11.509.614 | 9.318.453 | 66.967.085 | 70.171.547 | - | - | 86.714.310 | 86.066.196 |
| 1. Tiền mặt | 42.123 | 61.720 | 103.070 | 121.839 | 546.882 | 559.258 | - | - | 692.075 | 742.817 |
| 2. Tài sản cố định | 2.894 | 2.972 | 241.104 | 243.230 | 1.124.886 | 1.131.131 | - | - | 1.368.884 | 1.377.333 |
| 3. Tài sản khác | 8.192.594 | 6.511.504 | 11.165.440 | 8.953.384 | 65.295.317 | 68.481.158 | - | - | 84.653.351 | 83.946.046 |
| II. Nợ phải trả | 7.957.067 | 6.292.765 | 11.517.629 | 9.280.010 | 61.747.565 | 65.331.344 | - | - | 81.222.261 | 80.904.119 |
| 1. Nợ phải trả khách hàng bên ngoài | 7.799.355 | 6.238.812 | 11.506.773 | 9.277.753 | 60.495.093 | 64.196.271 | - | - | 79.801.221 | 79.712.836 |
| 2. Nợ phải trả khác | 157.712 | 53.953 | 10.856 | 2.257 | 1.252.472 | 1.135.073 | - | - | 1.421.040 | 1.191.283 |

2. Báo cáo bộ phận thứ yếu

Ngân hàng chủ yếu hoạt động kinh doanh trong một lĩnh vực tài chính ngân hàng.



NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

XI. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|------------------------|-------------------|-------------------|
| Trong vòng 1 năm | 46.580 | 53.483 |
| Trong vòng 2 đến 5 năm | 117.381 | 111.630 |
| Trên 5 năm | 22.032 | 18.739 |
| Cộng | 185.993 | 183.852 |

XII. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Rạch Giá, ngày 29 tháng 8 năm 2023

Người lập

Người kiểm soát

Người phê duyệt



Duy

Thị Duyên
Kế toán viên

Chi

Phạm Thị Mỹ Chi
Kế toán trưởng



Minh

Trần Ngọc Minh
Tổng Giám đốc

